



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM



**SỔ TAY HƯỚNG DẪN THỰC THI,
HỎI ĐÁP CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS TRONG
XUẤT KHẨU NÔNG - LÂM - THỦY SẢN
VÀO THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN**



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

SỔ TAY HƯỚNG DẪN THỰC THI, HỎI ĐÁP CÁC
QUY ĐỊNH VỀ SPS TRONG XUẤT KHẨU
NÔNG - LÂM - THỦY SẢN
VÀO THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

Hà Nội, tháng 12 năm 2022

**Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Văn phòng SPS Việt Nam**

Ban soạn thảo và biên tập:

1. TS. Lê Thanh Hoà - Chịu trách nhiệm nội dung
Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam
Phó Cục trưởng Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2. TS. Ngô Xuân Nam - Trưởng ban Soạn thảo và Biên tập
Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam
3. TS. Đào Văn Cường - Thư kí Ban Biên tập

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

I. Giới thiệu về thị trường Nhật Bản

II. Cơ cấu kinh tế của Nhật Bản

CHƯƠNG 2: CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÁC BIỆN PHÁP VỆ SINH, KIỂM DỊCH THỰC VẬT.

I. Kiểm nghiệm và kiểm dịch thực vật

1. Nhóm rào cản hạn chế định lượng

1.1. Hạn ngạch nhập khẩu:

1.2. Hạn ngạch thuế quan:

2. Chế độ thông báo nhập khẩu

3. Giấy phép nhập khẩu:

II. Nhóm các biện pháp vệ sinh kiểm dịch và an toàn thực phẩm

1. Biện pháp và thủ tục nhập khẩu hàng thực phẩm vào Nhật Bản

1.1. Quy định kiểm dịch an toàn vệ sinh thực phẩm

1.2. Quy trình phê duyệt phụ gia thực phẩm

1.3. Quy định về dư lượng hóa chất nông nghiệp

1.4. Quy định vào thực phẩm

1.5. Quy định về nhãn mác hàng hóa

2. Nhóm rào cản liên quan đến hàng rào kỹ thuật đối với thương mại

2.1. Quy định sở hữu trí tuệ:

2.2 Các tiêu chuẩn liên quan đến chất lượng:

2.2.1. *Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản – JIS:*

2.2.2. *Tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật Bản – JAS:*

2.3. Luật trách nhiệm sản phẩm:

2.4. Luật vệ sinh thực phẩm:

3. Nhóm các biện pháp bảo vệ thương mại tạm thời

3.1. Các biện pháp chống bán phá giá:

3.2. Các biện pháp trợ cấp và đối kháng:

3.2.1. Các biện pháp tự vệ:

3.2.2. Nhóm các rào cản khác

3.2.3. Hạn chế việc phân phối:

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ CÂU HỎI THƯỜNG GẶP VỀ THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

Câu 1. Xin cho biết về các thủ tục nhập khẩu và bán thực phẩm

Câu 2. Xin cho biết về thủ tục nhập khẩu và bán trà

Câu 3. Xin cho biết về thủ tục nhập khẩu và bán cà phê hạt.

Câu 4. Xin cho biết về thủ tục nhập khẩu và bán bánh kẹo như sô cô la và bánh quy, v.v

Câu 5. Xin cho biết về thủ tục nhập khẩu và bán đồ uống có cồn

Câu 6. Xin cho biết về thủ tục nhập khẩu và bán nước khoáng

Câu 7. Xin cho biết về thủ tục nhập khẩu và bán các sản phẩm thịt chế biến (giăm bông, xúc xích, thịt xông khói, v.v..)

Câu 8. Xin cho biết về thủ tục nhập khẩu và bán hàng thủy sản chế biến.

Câu 9. Xin cho biết về thủ tục nhập khẩu và bán các loại gia vị (gia vị, thảo mộc, v.v..).

Câu 10. Xin cho biết về thủ tục nhập khẩu và bán thực phẩm đông lạnh.

Câu 11. Xin cho biết về việc ghi nhãn các loại thực phẩm.

Câu 12. Xin cho biết những lưu ý trong việc dán nhãn đối với các thực phẩm hữu cơ nhập khẩu?

PHỤ LỤC TÀI LIỆU



LỜI MỞ ĐẦU

Nhật Bản là một thị trường đầy tiềm năng cho hàng hóa của Việt Nam. Với GDP đứng thứ ba thế giới (theo IMF), diện tích gần 378 nghìn km² và quy mô dân số hơn 125 triệu người, Nhật Bản trong nhiều năm qua đóng vai trò là thị trường nhập khẩu hàng hóa lớn từ Việt Nam. Ngoài ra, sự chênh lệch trong trình độ phát triển kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản là một lợi thế khi sản phẩm thương mại giữa hai nước sẽ có xu hướng bổ trợ cho nhau. Việt Nam xuất khẩu nông sản, thủy sản, hàng dệt may cho Nhật Bản, trong khi nhập khẩu lại từ Nhật Bản máy móc thiết bị, máy vi tính, hàng điện tử tiêu dùng. Bên cạnh đó, sự tương đồng về văn hóa và gần gũi về vị trí địa lý cũng giúp hoạt động giao thương Việt Nam và Nhật Bản trở nên thuận lợi. Ngoài ra, Việt Nam và Nhật Bản có mối quan hệ ngoại giao và kinh tế lâu đời, cùng chung quan điểm mở cửa thị trường và tự do hóa thương mại. Trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ đang bao trùm và nở rộ ở chính cái nôi sinh ra toàn cầu hóa là các nước phương Tây, thì việc tìm được một bạn hàng vẫn kiên trì theo đuổi toàn cầu hóa và tự do thương mại quả là một cơ hội tuyệt vời.

Thị trường Nhật đem lại cho các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cơ hội để khẳng định thương hiệu, danh tiếng, nhưng đồng thời cũng tạo ra hàng loạt thách thức về tiêu chuẩn, chất lượng buộc các doanh nghiệp phải thay đổi để đáp ứng yêu cầu. Vào thời điểm Việt Nam và Nhật Bản đã ký kết 4 Hiệp định thương mại tự do cả ở cấp độ song phương và đa phương (trong đó 3 hiệp định đã đi vào thực thi), việc tận dụng đầy đủ và hiệu quả những lợi ích do những thỏa thuận này mang lại đang đặt ra nhiều khó khăn cho cộng đồng doanh nghiệp nói chung. Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp đang tìm hiểu về thị trường Nhật Bản có thể lựa chọn sản phẩm xuất khẩu phù hợp, thuận lợi hơn khi tiếp cận thị trường, cũng như tận dụng tốt các hiệp định thương mại tự do có liên quan, bài viết dưới đây sẽ cung cấp các thông tin tổng quan, toàn diện về thị trường Nhật Bản.

Thuật ngữ và các từ viết tắt

BNN&PTNT	Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn
BVTV	Bảo vệ thực vật
PPD	Cục Bảo vệ thực vật
ISPM 15	International Standards For Phytosanitary Measures No. 15 – Tiêu chuẩn quốc tế về biện pháp kiểm dịch thực vật trên gỗ
KDTV	Kiểm dịch thực vật
MRL	Maximum Residue Level -Mức giới hạn dư lượng tối đa
VAT	Thuế giá trị gia tăng
JAS	Luật tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật Bản
METI	Bộ Kinh tế Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản
FSC	Ủy ban An toàn Thực phẩm
JIS	Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

I. GIỚI THIỆU VỀ THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

Điều kiện tự nhiên Diện tích 377,915 km² , gồm 4 đảo lớn và khoảng 6,848 đảo nhỏ. Vị trí Nằm ở khu vực Đông Bắc Á, các quốc gia xung quanh bao gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, Bắc Triều Tiên, Nga. Địa hình Diện tích rừng chiếm đa số (68.5%), đất nông nghiệp chiếm 12.5%. Thiên tai Động đất, núi lửa, sóng thần. Khí hậu Rất đa dạng và biến đổi từ Bắc vào Nam, nhưng phần lớn khí hậu Nhật Bản là ôn hòa, với bốn mùa rõ rệt.



Chính trị ngoại giao Chế độ chính trị Quân chủ lập hiến. Thiên Hoàng (tức hoàng đế) chỉ mang tính lễ nghi hình thức. Cơ quan lập pháp là Quốc hội, hoạt động theo cơ chế lưỡng viện (hạ viện và thượng viện). Người điều hành đất nước là Thủ tướng.

Đường lối kinh tế Thủ tướng là ông Suga Yoshihide, thuộc Đảng Dân chủ tự do, nhậm chức ngày 16/9/2020 sau khi ông Shinzo Abe từ chức vì lý do sức khỏe. Ông Suga Yoshihide đặt trọng tâm chính sách của mình vào hoạt động chống dịch Covid-19, đảm bảo vắc-xin cho người dân, tiếp tục theo đuổi chính sách “Abenomics”, đồng thời tập trung xây dựng chính phủ vì người dân. Ngoại giao Thành viên của nhóm G7, G20, ADB, khối APEC và ASEAN+3, Hội nghị cấp cao Đông Á. Nhật Bản cùng với Hàn Quốc, Úc và New Zealand là những đồng minh thân cận của Mỹ tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Văn hóa – xã hội Ngôn ngữ Tiếng Nhật Văn hóa Có

nền văn hóa đặc sắc, nổi tiếng về: nghệ thuật xếp giấy Origami, ẩm thực (trà đạo, sushi, sashimi, rượu sake), nghệ thuật làm vườn, truyện tranh Manga và Anime,... Ngày lễ 16 ngày nghỉ quốc gia, trong đó, đón năm mới vào ngày 1/1. Các ngày nghỉ rải rác đều trong năm và không quá 3 ngày một kỳ nghỉ. Dân số 125.7 triệu người (tính đến năm 2021), giảm nhẹ qua các năm. Cấu trúc dân số Dân số già. Độ tuổi trung bình của người Nhật Bản là 48 tuổi. Tỷ lệ sinh con thấp.



Kinh tế Nhật Bản là nền kinh tế thị trường phát triển, nằm trong 7 nền kinh tế lớn nhất thế giới. Nếu xét về quy mô GDP, từ năm 2016, nền kinh tế Nhật Bản đứng thứ ba thế giới, sau Mỹ và Trung Quốc. Nhật Bản được biết đến với giai thoại “thần kỳ Nhật Bản” cho giai đoạn 1952 – 1973 vì sự hồi phục thần tốc và ngoạn mục sau khi nền kinh tế bị tàn phá nặng nề do chiến

tranh thế giới lần thứ II. Nhưng từ năm 1986 trở đi, kinh tế Nhật Bản gặp tình trạng bong bóng, bắt đầu cho một chuỗi ngày dài ảm đạm mà đỉnh điểm là từ năm 1997, khi kinh tế tăng trưởng âm.

Từ năm 2001, Nhật Bản thực hiện quyết liệt các chương trình cải cách kinh tế, nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi dù vẫn rất chậm chạp, với tốc độ tăng trưởng trung bình 1% mỗi năm. Sang năm 2021, dưới tác động của đại dịch Covid-19, nền kinh tế Nhật Bản bắt đầu rơi vào suy thoái, với tốc độ tăng trưởng năm 2021 là âm 4.8%. Tuy nhiên, với vị thế là quốc gia phát triển, Nhật Bản đang từng bước chủ động nguồn vắc-xin Covid-19, qua đó tiến hành tiêm chủng toàn quốc, mở đường cho các hoạt động thương mại, dịch vụ từng bước phục hồi.

II. CƠ CẤU KINH TẾ CỦA NHẬT BẢN

- Ngành nông nghiệp: Ngành Nông nghiệp chỉ chiếm 1% GDP, tuy nhiên ngành nhận được bảo hộ lớn từ phía chính phủ.

- Ngành công nghiệp: Ngành công nghiệp chiếm 30% GDP của Nhật Bản. Một số ngành chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu công nghiệp là: chế tạo, sản xuất điện tử, xây dựng và công trình công cộng.

- Ngành dịch vụ: Là khu vực kinh tế đặc biệt quan trọng, chiếm 69% giá trị GDP của Nhật Bản. Các ngành dịch vụ phát triển như: dịch vụ cảng biển và giao thông vận tải biển với các hải cảng sầm uất (Kobe, Osaka, Tokyo, Yokohama) 6 và các đội tàu có trọng tải lớn; ngành dịch vụ tài chính, với nhiều ngân hàng đứng hàng đầu thế giới (như Mitsubishi UFJ, Mizuho, UOB, SMBC).

Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2018 và do tác động của đại dịch COVID-19, hoạt động nhập khẩu của Nhật đã suy giảm mạnh với mức hơn 10%/năm. Hoạt động xuất khẩu của Nhật Bản cũng tăng đáng kể trong giai đoạn 2016-2021 trước khi suy giảm mạnh vào năm 2021 (gần 1.1 lần) xuống mức tương đương với năm 2016. Các thị trường nhập khẩu chính của hàng hóa Nhật Bản trong năm 2021: Trung Quốc (chiếm thị phần 25.8%), Hoa Kỳ (11.3%), Úc (5.6%), Hàn Quốc (4.2%), Đài Loan (4.2%), Thái Lan (3.7%), Việt Nam (3.5%). Các mặt hàng nhập khẩu chính của Nhật Bản trong năm 2021 gồm: nguyên nhiên liệu; máy móc; linh kiện điện tử; máy móc dân dụng; dụng cụ y tế; dược phẩm; phương tiện vận tải.

CHƯƠNG 2: CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÁC BIỆN PHÁP VỆ SINH, KIỂM DỊCH THỰC VẬT.

I. Kiểm nghiệm và kiểm dịch thực vật

1. Nhóm rào cản hạn chế định lượng

a) Hàng hóa bị cấm nhập khẩu (theo quy định của Luật Hải quan Nhật Bản):

(i) Ma túy, thuốc gây nghiện, cần sa, thuốc phiện, cây thuốc phiện, dụng cụ hút thuốc phiện, chất kích thích, chất tác động đến thần kinh (trừ những loại được quy định rõ theo Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi)

(ii) Súng trường, súng lục, súng máy, pháo, đạn và phụ tùng của các loại súng này.

(iii) Chất nổ.

(iv) Thuốc súng.

(v) Các chất đặc biệt quy định trong Luật Cấm nhập khẩu vũ khí hóa học.

(vi) Tác nhân gây bệnh quy định trong Luật kiểm soát bệnh truyền nhiễm.

(vii) Tiền tệ, tiền giấy, tiền ngân hàng, tem, tem bưu chính hoặc chứng khoán giả mạo, hàng giả, hàng nhái và thẻ giả.

(viii) Sách, tranh ảnh, đồ điêu khắc và các vật phẩm khác gây ảnh hưởng xấu tới an toàn công cộng hoặc thuần phong mỹ tục.

(ix) Đồ khiêu dâm trẻ em.

(x) Hàng hóa vi phạm quyền sáng chế, quyền mẫu hữu ích, quyền thiết kế, quyền thương hiệu, quyền tác giả, quyền liên quan đến tác giả, quyền sử dụng thiết kế bố trí mạch tích hợp hoặc quyền của nhà tạo giống.

(xi) Hàng hóa cấu thành hành vi được liệt kê từ mục 1 đến mục 3, Khoản 1, Điều 2 của Luật Phòng chống cạnh tranh không lành mạnh.

1.1. Hạn ngạch nhập khẩu:

a) Xuất phát từ mục đích bảo hộ sản xuất trong nước và một số lý do như an ninh quốc gia, vấn đề về môi trường v.v..., một số loại hàng hóa được áp dụng quy chế hạn ngạch nhập khẩu và chấp thuận nhập khẩu từ trước.

Hạn ngạch nhập khẩu được áp dụng với ba loại hàng hóa sau:

b) Các mặt hàng thuộc diện kiểm soát bắt buộc của nhà nước: bao gồm vũ

khí, rượu, chất nổ, súng cầm tay và dao, vật liệu hạt nhân, ma túy và các thực phẩm cần phải kiểm soát như gạo.

c) Những mặt hàng hạn chế nhập khẩu, bao gồm một số loại hải sản như cá trích, cá mòi, sò, v.v... và một số chất bị kiểm soát quy định tại Nghị định thư Montreal như chất làm lạnh CFC, v.v...

d) Các loại thực vật và động vật có tên trong Bản phụ lục I của Công ước quốc tế về các loài động – thực vật có nguy cơ tuyệt chủng trong hệ động – thực vật (CITES).

Ở Nhật Bản, hạn ngạch nhập khẩu được tính toán trên cơ sở dự đoán nhu cầu về hàng hóa và khả năng sản xuất của các doanh nghiệp trong nước. Vào đầu và giữa năm tài chính (từ tháng 4 năm trước đến tháng 4 năm tiếp theo), Bộ Kinh tế Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản (METI) phê duyệt những mặt hàng nhập khẩu theo quy chế hạn ngạch được ghi rõ trong thông báo nhập khẩu.

Các thông tin cần thiết về hạn ngạch nhập khẩu được công khai trên trang web của Bộ METI, bao gồm cả các thông tin về xin cấp hạn ngạch, số lượng hạn ngạch được phân bổ, ngày xin cấp, nước xuất xứ được cấp hạn ngạch. Theo đó, nhà nhập khẩu sẽ nắm được thông tin khi nào cần xin cấp hạn ngạch.

Việc xin cấp hạn ngạch cần được thực hiện trước, nộp đầy đủ giấy tờ liên quan cho Bộ METI. Sau khi nhận lại đơn đã được phê duyệt chính thức, nhà nhập khẩu mới được tiến hành các thủ tục nhập khẩu.

1.2. Hạn ngạch thuế quan:

Nhật Bản duy trì hạn ngạch thuế quan (TRQ) chủ yếu áp dụng trong lĩnh vực nông sản. Tất cả các hạn chế dưới hình thức TRQ của Nhật Bản đều tuân thủ chặt chẽ cam kết của nước này trong khuôn khổ WTO và Nhật Bản duy trì mức độ mở cửa thị trường như cam kết trong WTO.

Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp là cơ quan trực tiếp phê duyệt phân bổ hạn ngạch. Thủ tục phê duyệt của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp tương đối phức tạp, bao gồm việc lấy ý kiến của các tổ chức khác, như các hiệp hội công, nông nghiệp. Các hạn ngạch cho các mặt hàng gạo, lúa mì và lúa mạch, các sản phẩm từ sữa do doanh nghiệp thương mại nhà nước (doanh nghiệp có đặc quyền nhập khẩu) thực hiện. Các sản phẩm khác có thể do các doanh nghiệp nhập khẩu theo hạn ngạch được cấp. TRQ của Nhật Bản được phân bổ một lần trong năm tài chính. Số lần phân bổ có thể được bổ sung tùy thuộc vào

tình hình cung ứng thực phẩm, giá thực phẩm và các yếu tố khác. Hạn ngạch nhập khẩu được phân bổ theo số lượng được nhập khẩu, chứ không phân theo giá trị nhập khẩu.

Nhật Bản áp dụng hai cách thức phân bổ hạn ngạch nhập khẩu: (i) Phân bổ cho các công ty thương mại để nhập khẩu; (ii) Phân bổ tới người sử dụng hàng hóa (các nhà sản xuất và các tổ chức sử dụng mặt hàng nhập khẩu làm nguyên liệu đầu vào để sản xuất). Đôi khi Nhật Bản áp dụng cả hai hệ thống phân bổ hạn ngạch tùy từng trường hợp cụ thể. Thông thường, việc cấp hạn ngạch sẽ được thực hiện theo cơ sở đăng ký trước thì được phân bổ trước cho đến khi hết hạn ngạch. Do đó, chỉ có doanh nghiệp hoạt động tại nước nhập khẩu mới hiểu rõ nhất về cơ chế cấp hạn ngạch. Chỉ khi có được chứng nhận về hạn ngạch được phân bổ, doanh nghiệp nhập khẩu mới có quyền nhập khẩu theo số lượng quy định.

2. Chế độ thông báo nhập khẩu:

Theo chế độ này, các nhà nhập khẩu có dự định hoặc đã nhập khẩu hàng hóa phải đệ trình lên Bộ METI một bản thông báo nhập khẩu thông qua ngân hàng quản lý ngoại hối thanh toán cho lô hàng đó. Chế độ này được sử dụng để quản lý các mặt hàng cần quản lý nhập khẩu được hỗ trợ bởi chế độ quản lý ngoại tệ.

Đối với các mặt hàng được tự do nhập khẩu, theo Luật kiểm soát nhập khẩu, nếu nhà nhập khẩu phải thanh toán toàn bộ tiền cho lô hàng này thì nhà nhập khẩu không cần phải đệ trình bản thông báo nhập khẩu lên Bộ METI.

3. Giấy phép nhập khẩu:

Hầu hết các hàng hóa được tự do nhập khẩu không phải chịu yêu cầu nào về giấy phép nhập khẩu, nhưng các mặt hàng sau bao gồm cả những mặt hàng liệt kê trong thông báo nhập khẩu nói trên cần có giấy phép nhập khẩu:

- (i) Hàng hóa liệt kê trong thông báo nhập khẩu thực hiện quản lý bằng hạn ngạch.
- (ii) Hàng hóa sản xuất hay vận chuyển từ các quốc gia, khu vực quy định trong thông báo nhập khẩu đòi hỏi phải có giấy phép nhập khẩu.
- (iii) Hàng hóa đòi hỏi phương thức thanh toán đặc biệt.
- (iv) Hàng hóa cần sự xác nhận sơ thẩm và phải đáp ứng được các quy định đặc biệt của Chính phủ như các loại vắc-xin nghiên cứu.

Khi nhập khẩu mặt hàng cần giấy phép nhập khẩu hay sự xác nhận của một số Bộ ngành, các nhà nhập khẩu được toàn quyền ký hợp đồng với các nhà xuất khẩu, nhưng việc ký và thực hiện hợp đồng phụ thuộc vào sự cho phép hay xác nhận của các Bộ ngành có liên quan. Việc thanh toán hàng nhập khẩu cần giấy phép chỉ có thể được thực hiện sau khi giấy phép nhập khẩu đã được cấp.

Quy định chế độ cho phép nhập khẩu của Nhật Bản tuy chưa thể hiện sự không phù hợp với các quy định của WTO, nhưng trong thực tiễn vẫn tồn tại những phương cách gây cản trở đến thương mại quốc tế. Ví dụ, đối với hàng rau quả thực phẩm tươi sống, thời gian khi hàng cập cảng cho đến khi hoàn tất thủ tục cấp phép nhập khẩu tương đối dài, gây phát sinh chi phí cho việc bảo quản, vận chuyển, tiêu thụ hàng hóa và làm giảm chất lượng hàng hóa.

Việc xin cấp xác nhận giấy phép nhập khẩu cần được thực hiện trước, nộp giấy tờ cho Bộ METI (thông qua Phòng kiểm soát thương mại, Ủy ban hợp tác kinh tế và thương mại). Sau khi nhận lại đơn cấp phép chính thức, nhà nhập khẩu mới được tiến hành các thủ tục nhập khẩu.

II. NHÓM CÁC BIỆN PHÁP VỆ SINH KIỂM DỊCH VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Biện pháp và thủ tục nhập khẩu hàng thực phẩm vào Nhật Bản

1.1. Quy định kiểm dịch an toàn vệ sinh thực phẩm

Theo Luật Kiểm dịch An toàn vệ sinh Thực phẩm của Nhật Bản, nhà nhập khẩu thực phẩm phải nộp đầy đủ giấy tờ cần thiết có liên quan kèm theo đơn xin kiểm dịch cho các cơ quan kiểm soát thực phẩm nhập khẩu thuộc các trạm kiểm dịch của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản.

Việc kiểm dịch được thực hiện khi các cơ quan kiểm dịch quyết định cần phải kiểm tra các tiêu chuẩn hoặc vấn đề an toàn thực phẩm ngay ở bước kiểm tra ban đầu. Nếu theo kết quả kiểm tra và kiểm dịch ban đầu, không phát hiện ra vấn đề gì đối với thực phẩm nhập khẩu theo quy định của Luật, nhà nhập khẩu sẽ được nhận chứng nhận đăng ký. Nhà nhập khẩu sẽ nộp giấy chứng nhận này cho cơ quan hải quan cùng với các giấy tờ hải quan và đơn xin cấp phép nhập khẩu. Trong trường hợp phát hiện sản phẩm không phù hợp để nhập khẩu, các biện pháp như huỷ hàng hoặc trả lại hàng cho công ty vận chuyển sẽ được thực hiện.

Các chất phụ gia, kể cả chất nhân tạo và chất tự nhiên, không được chấp nhận đều bị cấm sử dụng ở Nhật Bản và các sản phẩm nhập khẩu bị phát hiện có chứa dư lượng chất phụ gia không được chấp nhận sẽ không được phép bán tại Nhật Bản. Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản đánh giá an toàn thực phẩm dựa theo các tiêu chuẩn của CODEX và chỉ những chất phụ gia được Ủy ban an toàn Thực phẩm xem xét và được Bộ này chấp nhận mới có thể được sử dụng trong thực phẩm và đồ uống được bán tại Nhật Bản.

Một chất phụ gia được chấp nhận có thể chỉ được giới hạn sử dụng trên một loại sản phẩm cụ thể với một mức độ cụ thể và được phép sử dụng cụ thể.

Việc dán nhãn phụ gia thực phẩm bao gồm thuốc diệt nấm sau thu hoạch do Hội Bảo vệ Người tiêu dùng Nhật Bản quản lý.

Đề tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông quan, tại thời điểm nhập khẩu, nhà nhập khẩu cần cung cấp các thông tin sau đây

Tên hóa chất và thành phần tính theo phần triệu (ppm) của tất cả phụ gia tổng hợp có mức độ dung sai theo quy định của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản.

(i) Tên tất cả các phụ gia thực phẩm tự nhiên.

(ii) Màu nhân tạo được xác định theo tên hóa học và số chỉ số màu sắc quốc tế. Phải cung cấp bảng thông tin mô tả màu sắc tự nhiên để quyết định việc chấp nhận đối với sản phẩm xuất khẩu cụ thể.

(iii) Hương vị nhân tạo được xác định theo tên hóa học khi được đưa vào danh sách các chất phụ gia được ghi bằng tiếng Nhật đối với sản phẩm xuất khẩu cụ thể.

1.2. Quy trình phê duyệt phụ gia thực phẩm

Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản sẽ xem xét các đơn yêu cầu về chất phụ gia thực phẩm mới và rà soát những phê duyệt trước đó về chất phụ gia mới và dung sai chất phụ gia. Bộ này là đầu mối tiếp nhận những đơn yêu cầu, sau khi kiểm tra đầy đủ, sẽ gửi các yêu cầu qua Ủy ban An toàn Thực phẩm (FSC) để đánh giá mức độ nguy hiểm của các chất phụ gia và nhận lại báo cáo kết quả đánh giá.

Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi với chức năng của cơ quan quản lý rủi ro, quyết định chấp thuận mức sử dụng phụ gia thực phẩm cụ thể cho mỗi loại thực phẩm dựa trên các khái niệm về lượng trung bình hàng ngày (ADI) của chất có thể dung nạp vào cơ thể. Như vậy, trước khi phê duyệt, Bộ Y tế, Lao

động và Phúc lợi xem xét tất cả các sản phẩm khi có sử dụng chất phụ gia đó. Ví dụ, tùy thuộc vào từng loại thực phẩm, một chất bảo quản được chấp nhận sử dụng ở một mức độ nhất định trong bơ thực vật, nhưng có thể không được chấp nhận như là một chất bảo quản trong dưa chua. Đối với chất phụ gia được chấp thuận sử dụng trong dưa chua, người nộp đơn phải cung cấp cho Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi các thông số kỹ thuật có liên quan để chứng minh rằng việc sử dụng chất phụ gia này sẽ không vi phạm tới mức hấp thụ được phép của chất này trong cơ thể con người.

1.3. Quy định về dư lượng hóa chất nông nghiệp

Nhật Bản thực hiện các quy định mới về dư lượng hóa chất nông nghiệp, phụ gia thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y trong thực phẩm (sau đây gọi tắt là hóa chất nông nghiệp). Trước khi thực hiện các quy định này, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi đã công bố mức dư lượng hóa chất tối đa (MRLs) tạm thời cho loại hóa chất nông nghiệp trong MRLs chính thức hiện nay. Những MRLs này vẫn còn tạm thời cho đến khi chúng được xem xét và trong khi nhiều loại đã hoàn tất quá trình, việc đánh giá các MRLs khác sẽ tiếp tục cho đến khi hoàn thành dự án. Sau khi hoàn thành việc đánh giá rủi ro, một MRL chính thức có thể được xác định. Các MRLs hiện có cùng với các MRLs tạm thời tạo ra danh sách xác nhận các MRLs.

Thực phẩm bị phát hiện vượt quá mức MRLs trong danh sách xác nhận được coi là vi phạm Luật Vệ sinh Thực phẩm và bị từ chối tại cảng. Một hành vi vi phạm có thể dẫn đến việc tăng cường giám sát (khoảng 30%) tất cả các hoạt động nhập khẩu của cùng loại hàng hóa từ quốc gia đó. Sau hai lần vi phạm vượt mức MRLs cụ thể, sản phẩm đó có thể phải theo lệnh yêu cầu giám định rất tốn kém, bị giữ lại và bị kiểm tra, do đó sẽ bị trì hoãn dài tại cảng. Để trở về tình trạng giám sát bình thường sau một hành vi vi phạm, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi yêu cầu phải có hồ sơ 60 lần kiểm tra đạt kết quả sạch hoặc một năm không có hành vi vi phạm. Sau nhiều lần vi phạm, MHLW yêu cầu phải có hồ sơ kiểm tra sạch và năm không có hành vi vi phạm trước khi được loại bỏ lệnh yêu cầu giám định (bị giữ lại và kiểm tra). Đối với việc hàng hóa không có MRLs chính thức hoặc tạm thời, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi đã thiết lập giới hạn chung về dung sai cho phép tối đa là , 1ppm với hầu hết các loại hóa chất.

Lưu ý rằng Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi cũng đã liệt kê danh sách 1 số hóa chất nông nghiệp và các chất khác gọi là không phát hiện được bị cấm sử dụng trong thực phẩm. Ngoài ra, có chất được xác định không gây hại cho sức khỏe.

Đối với dư lượng trong thực phẩm chế biến không có MRLs cụ thể, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi sẽ kiểm tra sản phẩm dựa vào nồng độ của các thành phần.

+ Kiểm tra dư lượng hóa chất.

Việc kiểm tra dư lượng hóa chất do các văn phòng kiểm dịch thuộc Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi (đối với cây trồng nhập khẩu) và các phòng thí nghiệm của chính quyền địa phương (đối với cây trồng nhập khẩu và sản xuất trong nước, được thu thập chủ yếu từ các kệ bán lẻ) thực hiện. Mục đích của các lần kiểm tra giám sát là để xem cây trồng và các sản phẩm chăn nuôi trên thị trường có được thực hiện theo đúng quy định MRLs và quy định về an toàn thực phẩm không. Ắt k sản phẩm nào được tìm thấy có chứa chất vi phạm quy định MRLs sẽ không được phép bán tại Nhật

Kể từ năm 2021, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi tiến hành điều tra dư lượng hóa chất, bao gồm cả thuốc trừ sâu, thuốc thú y không có MRLs, để có được dữ liệu cơ bản cho việc thiết lập các MRLs. Kết quả kiểm tra thường cho thấy ít hơn, các mẫu được thử nghiệm có dư lượng hóa chất trên các mức MRLs được thiết lập. Cây trồng không đáp ứng được tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật của Luật Vệ sinh an toàn Thực phẩm, bao gồm cả MRLs, phải bị loại bỏ, tái xuất khẩu hoặc đổi hướng sử dụng thành sản phẩm không phải thực phẩm. Mỗi năm Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi quyết định một kế hoạch kiểm tra cụ thể.

Lưu ý rằng các kế hoạch tăng cường kiểm tra sau hành vi vi phạm sẽ được ban hành riêng. Thiết lập MRLs cho các hóa chất nông nghiệp

Để có được một quy định về MRL chính thức cho một hóa chất nông nghiệp, các bên liên quan phải nộp yêu cầu tới Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi và tiếp sau đó sẽ là một quá trình xem xét, bao gồm cả việc đánh giá mức độ rủi ro của Ủy ban an toàn Thực phẩm (FSC). Các tài liệu cần thiết cho việc đánh giá thường bao gồm các dữ liệu về cấp độ độc tính, độc tính phụ, độc mãn tính, gây ung thư, vô sinh, gây quái thai, đột biến, các thông số nghiên cứu tác dụng hóa học, vật lý của thuốc tới cơ thể và dược lý nói chung, sự trao đổi chất của động vật và sự chuyên hóa của thực vật cũng như các dữ liệu về dư lượng hóa chất (đối với các sản phẩm chứa thuốc trừ sâu).

Lưu ý rằng phần tóm tắt yêu cầu phải bằng tiếng Nhật, mặc dù các tài liệu khác kèm theo, ví dụ như báo cáo nghiên cứu, có thể được viết bằng tiếng anh.

Dưới đây là các chất trong thực phẩm dễ tự nhiên xuất hiện các chất độc hại hoặc có thể bị nhiễm các chất độc hại, vi khuẩn trong quá trình sản xuất. Danh sách này bao gồm các chất đã được thử nghiệm kiểm tra trước đây.

Mức độc tố nấm mốc trong đậu phộng, các sản phẩm đậu phộng (bao gồm cả bơ đậu phộng), quả hồ trăn, sản phẩm chế biến có chứa các quả hồ trăn (hoặc nhiều hơn), các loại hạt, gia vị và một số sản phẩm ngũ cốc;

Vi khuẩn gây xuất huyết ruột E. coli O₁₅₇, O₁₁₁ và O₁₅₇ (thịt bò, thịt ngựa, và nhóm sản phẩm thịt được tiêu thụ mà không cần nấu thêm, như pho mát tự nhiên);

Norovirus (loài hai mảnh vỏ và tôm, cua, sò, hến khác được ăn sống);

Virus viêm gan A (loài hai mảnh vỏ và tôm, cua, sò, hến khác được ăn sống);

Thủy ngân (cá và tôm, cua, sò, hến) PCB (thịt bò, thịt lợn, cá và tôm, cua, sò, hến); Chất độc ở cá; Chất độc ở động vật có vỏ (chất độc gây tiêu chảy và chất độc gây liệt của loài hai mảnh vỏ); Xyanogen (đậu bơ, đậu trắng, đậu saltani...); Methanol trong rượu chưng cất và rượu vang; Gossypol (phenol tự nhiên chiết xuất từ cây bông) trong hạt cây bông khác hơn so với dầu mỏ; Khuẩn salmonella trong thịt sống; Một vài loại vi khuẩn (listeria) (nhóm các sản phẩm thịt sống được sử dụng mà không cần nấu và pho mát tự nhiên); Giun xoắn trong thịt chim bị săn bắn... Chất phóng xạ, thường là trong các loại thực phẩm có nguồn gốc từ châu Âu; Các loại thực phẩm bị phân hủy, hư hỏng.

Mặc dù việc chiếu xạ được sử dụng như một công cụ để loại bỏ các tác nhân gây bệnh từ thực phẩm và ngăn ngừa ngộ độc thực phẩm ở nhiều nước, nhưng biện pháp chiếu xạ lại không được cho phép ở Nhật Bản, ngoại trừ trường hợp khoai tây có thể được chiếu xạ nhưng phải dán nhãn ghi rõ chiếu xạ. Các mặt hàng thực phẩm cần kiểm tra bao gồm thịt, sữa, hải sản, sản phẩm nông nghiệp khác và các sản phẩm chế biến từ chúng.

1.4. Quy định vào thực phẩm

Theo quy định tại Điều 1 của Luật Vệ sinh Thực phẩm, không được phép bán, sản xuất hoặc nhập khẩu với mục đích để bán hoặc sử dụng trong kinh doanh bất kể dụng cụ, container, hoặc bao bì có chứa chất độc hại hoặc gây thiệt hại và có thể làm hại sức khỏe con người hoặc bất kỳ dụng cụ, container, hoặc bao bì có thể ảnh hưởng nguy hại đến sức khỏe con người thông qua

tiếp xúc với thực phẩm và phụ gia thực phẩm.

Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản đã quy định rõ các thông số kỹ thuật đối với nhựa tổng hợp, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và các loại hộp đựng bao gói làm bằng thủy tinh, gốm, men hoặc cao su.

Các nhà kinh doanh tư nhân ở Nhật phải thanh toán tất cả các chi phí liên quan đến việc tái chế. Đối với sản phẩm nhập khẩu, các nhà nhập khẩu phải chịu một phần chi phí tái chế. Tuy nhiên, một số nhà nhập khẩu Nhật Bản có thể yêu cầu các nhà cung ứng ở nước ngoài của họ hợp tác cung cấp thêm về việc ghi nhãn. Nhà nhập khẩu chịu trách nhiệm đảm bảo sử dụng nhãn thích hợp trên tất cả các bao bì và hộp đựng hàng cho hàng hóa nhập khẩu.

1.5. Quy định về nhãn mác hàng hóa

Nhãn hàng hoá thực phẩm phải được in bằng tiếng Nhật và tuân thủ theo các luật và quy định sau đây

- + Luật Tiêu chuẩn hoá và Nhãn mác hàng nông lâm sản
- + Luật Vệ sinh thực phẩm
- + Luật Đo lường
- + Luật Bảo vệ sức khoẻ
- + Luật Khuyến khích sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên
- + Luật Chống lại việc đánh giá cao, sai sự thật và mô tả gây hiểu lầm
- + Luật Bảo vệ Sở hữu trí tuệ (ví dụ Luật chống cạnh tranh không lành mạnh, Luật Bằng sáng chế).

Khi nhập khẩu và bán các sản phẩm thực phẩm tươi sống, nhà nhập khẩu phải cung cấp các thông tin sau đây trên nhãn mác sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn về nhãn mác đối với thực phẩm tươi sống theo Luật Tiêu chuẩn hoá và Nhãn mác nông lâm sản: 1) tên sản phẩm,) nước xuất xứ,) hàm lượng và 4) tên và địa chỉ nhà nhập khẩu.

Khi nhập khẩu và bán các sản phẩm chế biến, nhà nhập khẩu phải cung cấp các thông tin sau đây phù hợp với Luật Tiêu chuẩn hoá và Nhãn mác nông lâm sản, và các quy định tương tự đối với thực phẩm chế biến được đóng gói trong container theo Luật Vệ sinh Thực phẩm: 1) tên sản phẩm, 2) thành phần,) hàm lượng, 4) ngày hết hạn sử dụng, 5) cách thức bảo quản,) nước xuất xứ và) tên và địa chỉ nhà nhập khẩu.

Tên sản phẩm

Tên của sản phẩm phải được in trên nhãn ph hợp với Luật Tiêu chuẩn hoá và Nhãn mác nông lâm sản và Luật Vệ sinh Thực phẩm.

Thành phần thực phẩm

Các thành phần của sản phẩm phải được liệt kê theo thứ tự giảm dần từ thành phần có hàm lượng cao nhất đến thấp nhất trên nhãn mác ph hợp với Luật Tiêu chuẩn hoá và Nhãn mác nông lâm sản và Luật Vệ sinh Thực phẩm.

Phụ gia thực phẩm

Tên của các chất phụ gia được sử dụng phải được liệt kê theo thứ tự giảm dần từ chất có hàm lượng cao nhất đến thấp nhất trên nhãn mác ph hợp với Luật Vệ sinh Thực phẩm. Tên và cách sử dụng chất phụ gia sau cần được ghi rõ trên nhãn bột ngọt, chất chống ôxy hóa, phẩm nhuộm nhân tạo, chất tạo màu, chất bảo quản, chất làm trắng, chất làm dày ổn định chất làm đông các chất cô đặc, các chất trị nấm và chất chống mối mọt.

Thông báo số của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản Tiêu chuẩn đối với thực phẩm và phụ gia thực phẩm quy định hàm lượng tối đa cho phép đối với các chất phụ gia được phép sử dụng đối với từng loại thực phẩm. Các quy định và tiêu chuẩn phù hợp với Luật Vệ sinh Thực phẩm (Thông báo MHLW số) cũng yêu cầu hàm lượng nitrat natri, đặc biệt trong trứng cá hồi và trứng cá hồi ướp muối phải dưới 1,1 g/kg.

Ngộ độc thực phẩm

Để tránh các rủi ro nguy hại tới sức khỏe người tiêu dung liên quan đến vấn đề ngộ độc thực phẩm, luật của Nhật ấn quy định một số thành phần cụ thể cần được thể hiện trên nhãn sản phẩm ph hợp với Luật Vệ sinh Thực phẩm. Việc dán nhãn thành phần thực phẩm là yêu cầu bắt buộc đối với các sản phẩm có chứa tôm cua và khuyến khích thực hiện với các sản phẩm có chứa trứng cá hồi. Nếu các thành phần thực phẩm này đã được liệt kê trong danh sách thành phần chính, không cần thiết phải thực hiện thêm các hoạt động khác. Nếu tên của các thành phần trên nhãn sản phẩm không chỉ rõ các thành phần cụ thể, cần phải dán nhãn riêng đối với các thành phần thực phẩm.

Trong lượng thành phần thực phẩm

Khi nhập khẩu và bán các loại thực phẩm, nhà nhập khẩu cần ghi rõ trọng lượng của sản phẩm phù hợp với Luật Đo lường và chỉ rõ trọng lượng tính

theo gam trên nhãn mác. Sản phẩm cần được ghi rõ trọng lượng, sự khác biệt giữa trọng lượng thực của sản phẩm và con số ghi trên nhãn chỉ trong giới hạn cho phép.

Hạn sử dụng

Hạn sử dụng của sản phẩm theo từng cách thức bảo quản sản phẩm cần được ghi rõ trên nhãn phù hợp với Luật Tiêu chuẩn hóa và Dán nhãn các sản phẩm nông lâm sản và Luật Vệ sinh Thực phẩm. Nhãn hạn sử dụng cần có chứa các thông tin: ngày hết hạn sử dụng và hạn sử dụng tốt nhất (best by). Ngày hết hạn sử dụng được áp dụng đối với các loại thực phẩm mà chất lượng sản phẩm sẽ giảm nhanh chóng trong vòng ngày kể từ ngày hết hạn. Hạn sử dụng tốt nhất được áp dụng đối với các loại thực phẩm mà chất lượng sản phẩm không thay đổi trong vòng ngày tương ứng.

Cách thức bảo quản sản phẩm

Cách thức bảo quản sản phẩm đảm bảo giữ nguyên hương vị của thực phẩm cho đến hạn sử dụng tốt nhất phải được chỉ rõ trên nhãn phù hợp với Luật Tiêu chuẩn hóa và Dán nhãn các sản phẩm nông lâm sản và Luật Vệ sinh Thực phẩm. Các sản phẩm thực phẩm cần dán nhãn ngày hết hạn sử dụng cần ghi rõ bảo quản dưới 10C trong khi các sản phẩm cần dán nhãn hạn sử dụng tốt nhất cần ghi rõ Tránh ánh nắng mặt trời, giữ theo nhiệt độ trong phòng v.v.... Tuy nhiên, đối với những sản phẩm có thể giữ theo nhiệt độ trong phòng, không cần thiết phải dán nhãn cách thức bảo quản sản phẩm.

Nước xuất xứ

Các tiêu chuẩn dán nhãn chất lượng đối với thực phẩm, được quy định bởi Luật Tiêu chuẩn hóa và Dán nhãn các sản phẩm nông lâm sản, yêu cầu có thông tin về nước xuất xứ trên nhãn thực phẩm nhập khẩu.

Chất lượng

Luật Tiêu chuẩn hóa và Dán nhãn các sản phẩm nông lâm sản yêu cầu có thông tin trên nhãn mác với các trường hợp sau:

- Rã đông (Defrosted) đối với các sản phẩm đông lạnh cần rã đông
- Sản phẩm nuôi (Farmed) đối với các loại thủy sản nuôi

Nhà nhập khẩu

Tên và địa chỉ của nhà nhập khẩu cũng phải được ghi rõ trên nhãn phù hợp với Luật Tiêu chuẩn hóa và Dán nhãn các sản phẩm nông lâm sản và

Luật Vệ sinh Thực phẩm. Đối với các sản phẩm được chế biến tại Nhật Bản sử dụng các thành phần nhập khẩu, tên và địa chỉ của nhà sản xuất hoặc nhà kinh doanh cũng cần được ghi rõ trên nhãn.

Thông tin dinh dưỡng

Các thành phần dinh dưỡng và hàm lượng calo cũng cần được ghi rõ trên nhãn thực phẩm biến phù hợp với các tiêu chuẩn về dán nhãn dinh dưỡng do Bộ trưởng Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản quy định. Các thông tin bắt buộc bao gồm thành phần dinh dưỡng, cơ cấu thành phần (ví dụ, các loại axit amin trong protein) và loại thành phần thực phẩm (ví dụ, các loại axit béo có trong chất béo). Nếu nhãn chỉ có thông tin chung như vitamin thay vì ghi rõ tên các chất dinh dưỡng cụ thể, cần ghi rõ thành phần thực phẩm.

Các thành phần thực phẩm cần được ghi theo thứ tự và đơn vị như sau :

- Hàm lượng calo (kcal hoặc kilocalo)
- Protein (g hoặc gram)
- Chất béo (g hoặc gram)
- Hy-đrát các-bon (g hoặc gram)
- Natri
- Các thành phần dinh dưỡng khác cần ghi trên nhãn

Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản cũng quy định tiêu chuẩn dán nhãn đối với các thành phần dinh dưỡng và thông tin cần được làm nổi bật. Nhãn dinh dưỡng phải được ghi bằng tiếng Nhật. Nếu một công ty đưa ra bất kỳ thông tin dinh dưỡng nào (ví dụ hàm lượng vitamin), khi đó họ phải cung cấp đầy đủ các yếu tố cơ bản về dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm như trên.

Ngoài yếu tố dinh dưỡng cần thiết, các công ty cũng có thể dán nhãn tự nguyện về các thành phần dinh dưỡng khác như vitamin và khoáng chất. Phải cung cấp nội dung mỗi thành phần trên 1 đơn vị thức ăn. Nhãn phải sử dụng kích thước cỡ chữ ít nhất là , trừ khi tổng diện tích ghi nhãn ít hơn

Nhãn mác của các loại thực phẩm dinh dưỡng hoặc các sản phẩm ăn kiêng phải tuân theo các tiêu chuẩn tương ứng và cần có giấy chứng nhận.

Đối với chất xơ, protein, canxi, sắt, vitamin, niacin, vitamin C và vitamin D, các tuyên bố liên quan đến sức khỏe như giàu hay có chứa phải đáp ứng các tiêu chuẩn về thành phần ở mức tối thiểu theo yêu cầu của Luật Nâng cao

Sức khỏe. Các tuyên bố bao gồm các điều ít hơn hoặc không liên quan đến năng lượng, chất béo, axit béo bão hòa, đường hoặc natri, cũng phải đáp ứng các tiêu chuẩn tối đa theo yêu cầu của Luật Nâng cao sức khỏe. Ví dụ, khi khẳng định rằng không có natri hoặc natri thấp hơn hoặc ít hơn, tương ứng hàm lượng natri phải thấp hơn mg và 1 mg cho mỗi 1g thực phẩm, và khi khẳng định không có chất béo hay chất béo thấp hơn hoặc ít hơn, tương ứng với hàm lượng chất béo phải thấp hơn.

Nhật Bản có những quy định nghiêm ngặt đối với thực phẩm chức năng và dinh dưỡng. Thực phẩm được sử dụng đặc biệt trong y tế là đề cập tới những thực phẩm có chứa những thành phần chức năng cho sức khỏe và đã được chính thức phê duyệt để khẳng định tác dụng sinh lý của chúng trên cơ thể con người. Những sản phẩm này dự kiến sẽ được tiêu thụ cho việc duy trì phát huy sức khỏe hoặc dành riêng cho những người muốn kiểm soát tình trạng sức khỏe, bao gồm huyết áp và máu nhiễm mỡ. Để bán loại thực phẩm này, việc đánh giá an toàn thực phẩm và hiệu quả các chức năng cho sức khỏe là điều cần thiết, và các thông tin trên nhãn sản phẩm phải được sự chấp thuận của Cục Bảo vệ Người tiêu dùng Nhật Bản và Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản.

Nhãn giúp phân loại rác trên bao bì

Luật Khuyến khích sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên yêu cầu dán nhãn nhằm phục vụ việc phân loại rác container và bao gói. Các sản phẩm nhập khẩu đáp ứng các điều kiện dưới đây phải dán nhãn để phân loại rác theo quy định của luật.

Khi có các chỉ dẫn hành chính đối với nguyên liệu và cấu trúc của container và bao gói và sử dụng thương hiệu cho sản phẩm nhập khẩu.

Khi container và bao gói của sản phẩm nhập khẩu được in, dán nhãn hoặc chạm khắc bằng tiếng Nhật.

Khi hai loại container và bao gói dưới đây được sử dụng cho các sản phẩm ngũ cốc, một trong hai loại nhãn hoặc cả hai loại nhãn phải được dán trên một mặt hoặc hơn một mặt của container và bao gói theo định dạng đã được quy định.

Mô tả sản phẩm

Mô tả sản phẩm sai hoặc dễ gây hiểu lầm bị cấm bởi Luật Bảo vệ Sức khỏe, Luật Chống lại việc đánh giá cao, sai sự thật và mô tả gây hiểu lầm và các luật và quy định liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (ví dụ, Luật chống

cạnh tranh không lành mạnh, Luật Thương hiệu). Các luật này được áp dụng cho tất cả các sản phẩm, không giới hạn với các sản phẩm thực phẩm.

2.Nhóm rào cản liên quan đến hàng rào kỹ thuật đối với thương mại

2.1. Quy định sở hữu trí tuệ:

Hiện tại, quyền này được chia làm hai phần Các đối tượng sở hữu trí tuệ và Luật bằng sáng chế nhãn hiệu hàng hoá kinh doanh.

Các Luật mô hình hữu dụng, Luật thiết kế, Luật Bản quyền được xếp vào loại sở hữu trí tuệ. Luật Nhãn hiệu hàng hoá, Luật ngăn chặn cạnh tranh không lành mạnh và các luật tương tự được xếp vào loại được bảo hộ bởi Luật Bằng sáng chế nhãn hiệu hàng hoá kinh doanh.

Thời hạn đối với phát minh sáng chế là năm kể từ ngày được áp dụng và thời hạn đối với bản quyền là năm sau khi tác giả qua đời.

2.2 Các tiêu chuẩn liên quan đến chất lượng:

2.2.1. Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản – JIS:

Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản - JIS là một trong những tiêu chuẩn được sử dụng rộng rãi ở Nhật. Tiêu chuẩn này dựa trên Luật Tiêu chuẩn hoá công nghiệp được ban hành và thường được biết dưới cái tên dấu chứng nhận tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản hay JIS. Hệ thống tiêu chuẩn JIS đã góp phần vào việc mở rộng tiêu chuẩn hoá trên phạm vi toàn bộ nền công nghiệp Nhật Bản. Theo quy định của điều 26 trong Luật Tiêu chuẩn hoá công nghiệp, tất cả các cơ quan của Chính phủ phải ưu tiên đối với các sản phẩm được đóng dấu chất lượng JIS khi mua hàng hoá để phục vụ cho hoạt động của các cơ quan này.

Hệ thống tiêu chuẩn JIS áp dụng đối với tất cả các sản phẩm công nghiệp và khoáng sản, trừ những sản phẩm được áp dụng các tiêu chuẩn chuyên ngành như dược phẩm, phân hoá học, sợi tơ tằm và các sản phẩm nông nghiệp khác được quy định trong Luật Về tiêu chuẩn hoá và dán nhãn các công ty lâm sản.

Dấu này lúc đầu được áp dụng để tạo ra một chuẩn mực cho các sản phẩm xuất khẩu khi Nhật bắt đầu bán sản phẩm ra nước ngoài. Do đó, khi kiểm tra các sản phẩm này chỉ cần kiểm tra dấu chất lượng tiêu chuẩn JIS là đủ để xác nhận chất lượng của chúng.

Các tiêu chuẩn JIS được sửa đổi, bổ sung định kỳ để phù hợp với tiến bộ

công nghiệp. Tuy nhiên, tất cả các tiêu chuẩn JIS đều được bổ sung ít nhất năm một lần kể từ ngày ban hành. Mục đích của việc sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo cho các tiêu chuẩn luôn hợp lý, phù hợp với thực tế.

Cùng với sự phát triển của thương mại quốc tế về các sản phẩm công nghiệp, việc thống nhất các tiêu chuẩn trên phạm vi quốc tế và áp dụng hệ thống chấp nhận chất lượng đối với hàng hóa xuất nhập khẩu ngày càng trở nên quan trọng. Vì vậy, tháng 4/1980, Nhật Bản đã sửa đổi Luật tiêu chuẩn hoá công nghiệp. Theo luật sửa đổi này, thì các nhà sản xuất nước ngoài cũng có thể được cấp giấy chứng nhận JIS trên sản phẩm của họ. Việc sửa đổi Luật tiêu chuẩn hoá công nghiệp là kết quả của việc Nhật Bản tham gia ký kết Hiệp định về các hàng rào kỹ thuật đối với thương mại của GATT. Theo Hiệp định này thì hệ thống chứng nhận chất lượng của các nước phải được áp dụng cho sản phẩm từ các nước thành viên khác của Hiệp định.

Hiệp định về hàng rào kỹ thuật đối với thương mại là bước tiến quan trọng trong quá trình quốc tế hoá về tiêu chuẩn các sản phẩm công nghiệp. Quá trình này cũng đặc biệt quan trọng đối với Nhật Bản, một nước có nền kinh tế dựa vào thương mại quốc tế.

Các nhà sản xuất trong nước hay nước ngoài muốn được cấp dấu chứng nhận JIS phải làm đơn cấp giấy chứng nhận này. Bộ METI sau khi nhận được đơn (đơn được nhận qua phòng tiêu chuẩn, Cục Khoa học và Công nghệ, Bộ METI) sẽ tiến hành điều tra sơ bộ dựa trên hồ sơ, sau đó cử các thanh tra của Bộ tới giám định tại nhà máy của người nộp đơn. Đối với các nhà sản xuất nước ngoài, các số liệu giám định do các tổ chức giám định nước ngoài, do Bộ trưởng Bộ METI Nhật Bản chỉ định, có thể được chấp nhận. Theo Luật tiêu chuẩn hoá công nghiệp, kết quả giám định tại nhà máy phải được trình lên Hội đồng thẩm định gồm các chuyên gia của Bộ METI để đánh giá. Bộ trưởng METI có phê duyệt đơn xin phép cấp JIS cho nhà sản xuất hay không dựa trên kết luận của Hội đồng thẩm định. Quyết định của Bộ trưởng sẽ được thông báo cho người nộp đơn. Nếu đơn xin ph p cấp JIS được phê duyệt thì thông báo của Bộ trưởng sẽ được đăng trên công báo. Thời gian cần thiết kể từ khi nộp đơn cho đến lúc nhận được quyết định và thông báo là 3 tháng.

2.2.2. Tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật Bản – JAS:

Luật tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật Bản (Luật JAS) được ban hành vào tháng 5/1970. Luật này quy định các tiêu chuẩn về chất lượng, đưa ra các quy tắc về việc ghi nhãn chất lượng và đóng dấu chất lượng tiêu chuẩn JAS. Ngày nay, hệ thống JAS đã trở thành cơ sở cho người tiêu dùng trong việc

lựa chọn các thực phẩm chế biến. Danh sách các sản phẩm được điều chỉnh bởi Luật JAS gồm Đồ uống, thực phẩm chế biến, dầu ăn, mỡ, các nông lâm sản chế biến. Tuy hiện nay không phải tất cả các sản phẩm đều được liệt kê trong danh sách các sản phẩm do Luật JAS điều chỉnh nhưng các tiêu chuẩn JAS bao quát cả các sản phẩm được sản xuất trong nước và các sản phẩm nhập khẩu. Các nhà sản xuất muốn được dán nhãn hiệu chất lượng JAS lên các sản phẩm của họ thì phải thông qua các tổ chức giám định để đánh giá chất lượng của hàng hóa đó. Việc giám định chất lượng để cấp giấy chứng nhận phẩm chất JAS ở Nhật Bản có thể do 3 loại tổ chức sau thực hiện:

- + Các tổ chức giám định thuộc Bộ nông, Lâm, Ngư nghiệp
- + Các tổ chức giám định của chính quyền địa phương
- + Các tổ chức giám định JAS khác.

Luật JAS được sửa đổi vào năm 2019, các nhà sản xuất nước ngoài cũng có thể được cấp giấy chứng nhận phẩm chất JAS, nếu sản phẩm của họ đạt các tiêu chuẩn do JAS đề ra. Để bao quát cả các nhà sản xuất nước ngoài, hệ thống tiêu chuẩn JAS đã có những thay đổi thích hợp vào tháng 1 năm 2021, theo đó các tổ chức giám định chất lượng Nhật Bản có thể sử dụng các kết quả giám định của các tổ chức giám định nước ngoài do bộ trưởng Bộ Nông, Lâm, Ngư nghiệp chỉ định.

Đa số các sản phẩm như thực phẩm đóng hộp, nước hoa quả, các sản phẩm chế biến từ cà chua, dấm bỗng, thịt lợn hun khói được sản xuất tại Nhật đều mang dấu chất lượng JAS.

Việc sử dụng dấu chứng nhận phẩm chất JAS trên nhãn hiệu sản phẩm là tự nguyện và các nhà sản xuất cũng như các nhà bán lẻ không bị buộc phải sản xuất hay kinh doanh các sản phẩm có chất lượng tiêu chuẩn JAS. Tuy nhiên, các quy định về việc ghi nhãn sản phẩm là bắt buộc với những sản phẩm do Bộ Nông, Lâm, Ngư nghiệp quy định.

Một sản phẩm bị buộc phải tuân theo các quy định về nhãn chất lượng JAS khi có đầy đủ các điều kiện sau:

Sản phẩm phải là một nông sản hoặc là nông sản mà đã có hoặc trong một tương lai gần sẽ có một tiêu chuẩn JAS được quy định cho nó.

Sản phẩm đó phải là một sản phẩm có chất lượng khó xác định.

Là sản phẩm mà người tiêu dùng cần biết được chất lượng của nó trước khi quyết định mua.

Bộ Nông, Lâm, Ngư nghiệp đặt ra các tiêu chuẩn về việc ghi nhãn chất lượng và buộc tất cả các nhà sản xuất phải tuân thủ các tiêu chuẩn đó, các quy định này được áp dụng đối với cả các sản phẩm nhập khẩu. Người tiêu dùng Nhật Bản rất tin tưởng đối với chất lượng của các sản phẩm được đóng dấu JAS.

Vì vậy, các nhà sản xuất nước ngoài khi xuất khẩu hàng hóa vào Nhật Bản có được dấu chứng nhận chất lượng JAS sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ hàng hóa của mình tại đây.

a) Các dấu chứng nhận chất lượng khác:

Ngoài tiêu chuẩn JIS và JAS còn có nhiều loại dấu chất lượng khác được sử dụng ở Nhật.

Các quy định về ghi nhãn sản phẩm

Đối với một số sản phẩm quy định về ghi nhãn sản phẩm là bắt buộc. Các sản phẩm phải buộc dán nhãn được chia thành 4 nhóm: Sản phẩm dệt, sản phẩm nhựa, đồ điện, thiết bị điện và nhiều loại sản phẩm khác như ô, kính râm. Hiện nay, theo quy định của pháp luật có khoảng 100 mặt hàng bị buộc phải dán nhãn chất lượng.

Các sản phẩm dệt gồm: vải, quần, váy, áo ni, áo sơ mi, áo mưa, ca vát, khăn trải giường, máy hút bụi, quạt, tivi.

Sản phẩm nhựa gồm bát, đĩa, chậu giặt.

Trong các sản phẩm khác thì bột giặt, găng tay da, bàn chải đánh răng là các sản phẩm phải dán nhãn chất lượng.

Các nhãn chất lượng được dán lên sản phẩm gia dụng giúp cho người tiêu dùng biết được các thông tin về chất lượng sản phẩm và lưu ý khi sử dụng.

b) Tiêu chuẩn môi trường Ecomark:

Vấn đề môi trường đang được sự quan tâm của người tiêu dùng Nhật Bản. Cục Môi trường của Nhật đang khuyến khích người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm không làm hại sinh thái (kể cả các sản phẩm trong nước cũng như nhập khẩu), các sản phẩm này được đóng dấu Ecomark .

Để được đóng dấu Ecomark, sản phẩm phải đạt được ít nhất một trong các tiêu chuẩn sau:

- Việc sử dụng sản phẩm đó không gây ô nhiễm tới môi trường hoặc có nhưng không đáng kể.

- Việc sử dụng sản phẩm đó mang lại nhiều lợi ích cho môi trường.
- Chất thải sau khi sử dụng không gây hại cho môi trường hoặc gây hại rất không đáng kể.
- Sản phẩm đóng góp đáng kể vào việc bảo vệ môi trường ngoài các cách kể trên.

Ecomark không đưa ra các tiêu chuẩn và cũng không nói lên chất lượng hay tính an toàn của sản phẩm. Ecomark ra đời năm 1971, đến nay dấu này được rất nhiều người Nhật biết đến. Các công ty nước ngoài có thể xin dấu chứng nhận Ecomark thông qua các nhà nhập khẩu.

2.3. Luật trách nhiệm sản phẩm:

Luật trách nhiệm sản phẩm đã được ban hành vào tháng 1/2021 để bảo vệ người tiêu dùng. Luật này quy định rằng nếu như một sản phẩm có khiếm khuyết gây ra thương tích cho người hoặc thiệt hại về của cải thì nạn nhân có thể yêu cầu người sản xuất bồi thường cho các thiệt hại xảy ra liên quan đến sản phẩm có khuyết khuyết và có quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và khiếm khuyết của sản phẩm. Luật trách nhiệm sản phẩm cũng được áp dụng đối với các sản phẩm nhập khẩu.

2.4. Luật vệ sinh thực phẩm:

Luật vệ sinh thực phẩm quy định cho tất cả các thực phẩm và đồ uống tiêu dùng ở Nhật Bản. Hàng sản xuất trong nước và hàng nhập khẩu đều chịu sự điều chỉnh của luật và được chia thành nhiều nhóm: các gia vị thực phẩm, các máy móc dùng để sản xuất chế biến và bảo quản thực phẩm, các dụng cụ chứa, đựng và bao bì cho các gia vị cũng như cho thực phẩm, đồ chơi trẻ em và các chất tẩy rửa dùng cho việc làm sạch thực phẩm và đồ ăn. Các loại hàng hóa này khi đưa vào sử dụng phải có giấy phép của Bộ Y tế và Phúc lợi Nhật Bản.

Bộ luật Vệ sinh thực phẩm áp dụng cho cả hàng sản xuất trong nước và hàng nhập khẩu, cần phải hiểu đúng quy định quản lý về vệ sinh thực phẩm để có thể kinh doanh thành công ở Nhật Bản.

3. Nhóm các biện pháp bảo vệ thương mại tạm thời

3.1. Các biện pháp chống bán phá giá:

Chính phủ Nhật Bản tương đối thụ động trong việc áp đặt các loại thuế chống bán phá giá. Tính đến nay, mới chỉ có ba trường hợp bị Nhật Bản áp

thuế chống bán phá giá: nhập khẩu ferrosilicon mangan từ Trung Quốc, Nam Phi và Na Uy nhập khẩu sợi bông từ Pakistan và nhập khẩu sợi polyester từ Hàn Quốc và Đài Loan. Ngoài ra còn có một trường hợp bị tạm ngưng điều tra là nhập khẩu quặng mangan điện tử từ Úc, Nam Phi và Tây Ban Nha.

Trong cả ba trường hợp, Chính phủ Nhật Bản tuyên bố rằng các sản phẩm bị điều tra bán phá giá vào Nhật Bản đã gây ra thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước, và do đó thuế chống bán phá giá được áp dụng vào các sản phẩm bị điều tra. Chỉ có vụ ferrosilicon mangan là trường hợp duy nhất mà các nhà xuất khẩu nước ngoài đạt được thỏa thuận về giá với Chính phủ Nhật Bản. Luật Hải quan Nhật Bản quy định các điều kiện cơ bản cho việc áp dụng thuế chống bán phá giá, phù hợp với các nguyên tắc của WTO. Thuế chống bán phá giá sẽ được đánh vào sản phẩm của một nhà xuất khẩu đang được bán với giá thấp hơn giá thông thường và việc nhập khẩu sản phẩm đó gây ra những thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước.

Tuy nhiên, phương pháp xác định giá thông thường của một sản phẩm không được nêu rõ ràng trong các luật và quy định liên quan của Nhật Bản về chống bán phá giá. Thông thường, giá bán của một hàng hóa (hoặc hàng hóa tương tự) tại thị trường nội địa nước xuất khẩu sẽ được coi là giá thông thường của nó. Tuy nhiên, trong trường hợp hàng hóa đó không được bán tại thị trường nội địa nước xuất khẩu, thì giá thành sản xuất của nó hoặc giá bán tại thị trường một nước thứ ba có thể được xem xét là giá thông thường.

Quy trình điều tra chống bán phá giá

Bộ Tài chính và Bộ METI là hai cơ quan chuyên trách về các biện pháp chống bán phá giá tại Nhật Bản, sẽ đưa ra một thông báo chính thức về quyết định tiến hành điều tra chống bán phá giá đối với một sản phẩm nhập khẩu vào Nhật Bản. Sau đó Bộ Tài chính và Bộ METI sẽ tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm các nhà xuất khẩu, các nhà nhập khẩu và các nhà sản xuất trong nước.

Nhìn chung các quy định về chống bán phá giá của Nhật Bản là tương thích với các quy định của WTO như Hiệp định về Chống bán phá giá. Tuy nhiên, không có nhiều quy định chi tiết bổ sung cho các luật lệ này, nguyên nhân có thể là do thiếu kinh nghiệm từ các vụ việc thực tế.

Các câu hỏi điều tra được gửi cho các nhà xuất khẩu bao gồm một số thông tin như tình hình tài chính của doanh nghiệp, lượng sản phẩm bị điều tra được tiêu thụ tại thị trường nội địa nước xuất khẩu và lượng sản phẩm đó

xuất khẩu sang Nhật Bản cũng như sang các thị trường khác. Đồng thời các nhà xuất khẩu phải cung cấp đầy đủ dữ liệu chi phí liên quan cấu thành giá thành sản xuất của sản phẩm.

Việc tuân thủ những quy định trong quá trình điều tra chống bán phá giá của Nhật Bản gặp rất nhiều khó khăn do các nhà xuất khẩu không chỉ phải thu thập và cung cấp các tài liệu liên quan cần thiết mà còn phải dịch tất cả những tài liệu từ tiếng Nhật sang tiếng Anh (và ngược lại) trong một thời hạn nhất định được quy định bởi Bộ Tài chính và Bộ METI, đặc biệt với trường hợp các nước xuất khẩu ở khu vực châu Á nơi mà tiếng Anh không phải là ngôn ngữ chính. Về lý thì các nhà xuất khẩu không chuyên sử dụng tiếng Anh cần được gia hạn thời gian nộp các tài liệu liên quan. Tuy nhiên, thực tế các cơ quan có thẩm quyền Nhật Bản thường rất khó linh động trong vấn đề này.

Hơn nữa trong quá trình bị điều tra, các câu hỏi điều tra và các câu trả lời đều phải bằng tiếng Nhật, đòi hỏi nhà xuất khẩu nước ngoài phải có đủ thời gian và kỹ năng ngôn ngữ để làm việc với các cơ quan điều tra Nhật Bản. Nhằm đảm bảo tuân thủ quy trình thủ tục với một số lượng lớn tài liệu phải dịch trong thời gian ngắn như vậy, các nhà xuất khẩu nước ngoài phải cần đến sự giúp đỡ của các luật sư quốc tế. Tuy nhiên, không may là do số lượng các vụ việc thực tế về áp thuế chống bán phá giá tại Nhật Bản là rất ít nên rất khó để tìm được một luật sư có kinh nghiệm. Đồng thời việc chậm trễ nộp các tài liệu liên quan có thể được coi là một hành động thiếu hợp tác với cơ quan điều tra, các nhà xuất khẩu nhiều khi chỉ có thể cung cấp được những tài liệu sẵn có để xác định biên độ phá giá của mình.

Bộ Tài chính và Bộ METI sau một vài tháng kể từ khi nhận các tài liệu liên quan sẽ tiến hành việc kiểm tra tại nơi sản xuất sản phẩm và thẩm tra độ xác thực của các hồ sơ nhận được với sự có mặt bắt buộc của cá nhân (đại diện nhà xuất khẩu) đã cung cấp những tài liệu đó. Theo quy định, các bên liên quan sẽ nhận được danh mục các mặt hàng sẽ bị điều tra ít nhất 1 ngày trước khi tiến hành việc kiểm tra tại nơi sản xuất.

Nhìn chung các điều tra viên Nhật Bản tuân thủ rất nghiêm ngặt quy trình điều tra theo quy định của pháp luật Nhật Bản và luôn có ý thức đảm bảo sự bình đẳng về lợi ích của các bên liên quan. Ngoài ra, các điều tra viên của Bộ Tài chính và Bộ METI sẽ tiến hành đồng thời việc điều tra đối với các hành động bán phá giá và những thiệt hại mà các hành động này gây ra cho ngành sản xuất của Nhật Bản.

Trong các cuộc điều tra chống bán phá giá của Nhật Bản, do sự thiếu kinh nghiệm từ các vụ việc thực tế, điều tốt nhất mà các luật sư nên làm là phải lường trước thái độ của Chính phủ Nhật Bản trong từng vụ việc điều tra cùng với kết quả thiếu khả quan nhất có thể nhận được.

3.2. Các biện pháp trợ cấp và đối kháng:

Pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng của Nhật Bản về cơ bản được xây dựng dựa trên các quy định WTO, cụ thể là Hiệp định về Trợ cấp và Các biện pháp đối kháng. Một số đặc trưng riêng trong pháp luật trợ cấp và các biện pháp đối kháng của Nhật Bản:

Cơ quan có thẩm quyền	Cơ quan có thẩm quyền điều tra và ra quyết định: Bộ Tài chính
Các thời hạn điều tra	Thời hạn điều tra: 1 năm kể từ ngày khởi xướng điều tra, trong trường hợp cần thiết có thể gia hạn thêm 6 tháng.
Những điều cần lưu ý để vận dụng	Công đoàn gồm các thành viên trực tiếp hoặc không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất ra sản phẩm tương tự với sản phẩm nhập khẩu bị điều tra và tổng số những thành viên này chiếm không ít hơn 25% tổng số lao động tham gia vào quá trình sản xuất trên được xem là bên liên quan. Các tổ chức đại diện cho người tiêu dùng chỉ được trình bày quan điểm của mình/cung cấp thông tin lên ộ Tài chính trong trường hợp các sản phẩm bị điều tra là các sản phẩm được bán lẻ rộng rãi trên thị trường.
Thông tin	Các thông tin liên quan đến vụ kiện sẽ được đăng Công báo để các bên có thể tiếp cận được

3.2.1. Các biện pháp tự vệ:

Pháp luật về các biện pháp tự vệ của Nhật Bản về cơ bản được xây dựng dựa trên các quy định WTO, cụ thể là Hiệp định về các biện pháp tự vệ. Một số n t đặc trưng riêng trong pháp luật về các biện pháp tự vệ của Nhật Bản:

Cơ quan có thẩm quyền	Bộ trưởng Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp có quyền ra quyết định khởi xướng điều tra và áp dụng hạn ngạch nhập khẩu. Bộ trưởng Tài chính có quyền ra quyết định khởi xướng điều tra và áp dụng thuế nhập khẩu khẩn cấp
Các thời hạn điều tra	Thời hạn điều tra 1 năm kể từ ngày khởi xướng điều tra, chỉ được gia hạn khi có lý do đặc biệt khác.
Những điều cần lưu ý để vận dụng	Công đoàn gồm các thành viên trực tiếp hoặc không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất ra sản phẩm tương tự với sản phẩm nhập khẩu bị điều tra và tổng số những thành viên này chiếm không ít hơn 25% tổng số lao động tham gia vào quá trình sản xuất trên được xem là bên liên quan. Các tổ chức đại diện cho người tiêu dùng chỉ được trình bày quan điểm của mình/cung cấp thông tin lên ộ Tài chính trong trường hợp các sản phẩm bị điều tra là các sản phẩm được bán lẻ rộng rãi trên thị trường.
Thông tin	Các thông tin liên quan đến vụ kiện sẽ được đăng Công báo để các bên có thể tiếp cận được

3.2.2. Các rào cản khác

Nhóm các rào cản liên quan đến tài chính:

Để điều chỉnh cán cân thương mại và cán cân thanh toán quốc tế, Chính phủ Nhật Bản đã áp dụng một loạt các biện pháp về quản lý ngoại hối, mua bán ngoại tệ ở trong nước, kết toán quốc tế, vốn lưu động và tỷ giá hối đoái. Ngân hàng Nhật Bản, thông qua việc quản lý ngoại tệ, đã sử dụng biện pháp điều chỉnh tỷ giá hối đoái để tác động đến hoạt động ngoại thương. Ví dụ: tỷ giá Yên giảm trong những năm gần đây làm tăng xuất khẩu của Nhật Bản ra nước ngoài trong khi nhập khẩu giảm.

Một biện pháp gián tiếp khác mà Chính phủ Nhật Bản thường sử dụng để hạn chế nhập khẩu hàng hoá trong thời kỳ tăng trưởng kinh tế là đưa ra lãi suất tiền gửi cao để thu hút tiền gửi tiết kiệm vào ngân hàng, giảm mức tiêu dùng của người dân.

Ngoài ra, Nhật Bản còn sử dụng nhiều biện pháp khác như hạn chế những giao dịch ngoại tệ, chỉ cho phép một tỷ lệ phần trăm nhất định về việc chuyển lợi nhuận bằng ngoại tệ ra nước ngoài.

3.2.3. Hạn chế việc phân phối:

Hệ thống phân phối ở Nhật Bản về chức năng không có gì khác biệt nhiều so với hệ thống phân phối ở các nước khác. Nó giúp cho việc luân chuyển hàng hoá từ sản xuất đến tiêu dùng, đồng thời đóng vai trò là kênh bán hàng cho nhà sản xuất và kênh mua hàng cho người tiêu dùng. Hệ thống phân phối thường bao gồm hai cấp: cấp bán buôn và cấp bán lẻ.

Tuy nhiên hệ thống phân phối ở Nhật Bản cũng rất phức tạp với những đặc điểm riêng như Có rất nhiều cửa hàng bán lẻ, hay mật độ cửa hàng bán lẻ rất lớn.

Giữa các nhà sản xuất và các nhà bán lẻ tồn tại rất nhiều cấp phân phối trung gian.

- Tồn tại một hệ thống duy trì giá bán lẻ ở một mức nhất định.

Giữa các nhà sản xuất và nhà bán lẻ ở Nhật Bản có sự liên kết rất chặt chẽ, thể hiện ở chỗ các nhà sản xuất cung cấp vốn cho các nhà bán buôn và các nhà bán buôn lại cung cấp tài chính cho các nhà bán lẻ. Các nhà sản xuất thực hiện chế độ chiết khấu hoa hồng thường xuyên và rộng rãi, sẵn sàng mua lại hàng hóa nếu không bán được, và các nhà bán lẻ thường chỉ kinh doanh một số hàng hóa của các nhà sản xuất nhất định ở trong nước. Mỗi quan hệ giữa các nhà sản xuất với các nhà phân phối, nhà bán lẻ là rất chặt chẽ, bền vững khiến cho hàng hoá nước ngoài gặp rất nhiều khó khăn trong việc thâm nhập thị trường Nhật Bản hay mở rộng đại lý tiêu thụ.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ CÂU HỎI THƯỜNG GẶP VỀ THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

Câu 1: Xin cho biết về các thủ tục khi nhập khẩu và bán thực phẩm.

Trả lời :

Thủ tục theo Luật Vệ sinh thực phẩm

Khi nhập khẩu thực phẩm, căn cứ vào Luật Vệ sinh thực phẩm, người nhập khẩu có nghĩa vụ gửi “Giấy khai báo nhập khẩu thực phẩm” cho Trạm kiểm dịch của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi. Lúc đó cần nộp kèm theo Bảng kê thành phần nguyên liệu ghi rõ nguyên liệu và các chất phụ gia đã sử dụng và Bảng mô tả quy trình sản xuất chế biến, vì vậy các giấy tờ này cần chuẩn bị sẵn từ trước.

Sau khi nhận “Giấy khai báo nhập khẩu”, nhân viên kiểm tra vệ sinh thực phẩm sẽ tiến hành kiểm tra căn cứ vào từng hạng mục khai báo (nước xuất khẩu, danh mục nhập khẩu, nhà sản xuất, nơi sản xuất, nguyên vật liệu, phương pháp sản xuất, có sử dụng chất phụ gia hay không, v.v...). Qua kết

quả xem xét thành tích nhập khẩu và tiền sử vi phạm nhập khẩu cùng một loại thực phẩm của người nhập khẩu, nếu nhân viên kiểm tra kết luận là hàng không cần thiết phải kiểm tra thì đóng dấu vào là “đã khai báo” và giao cho người nhập khẩu bằng chứng của việc đã khai báo đó.

Trường hợp nhân viên kiểm tra thấy cần phải kiểm tra thì hạng mục kiểm tra và phương pháp kiểm tra sẽ được quyết định. Qua kiểm tra, nếu hàng đạt tiêu chuẩn thì giấy đã khai báo đó được trả lại cho người nhập khẩu để nộp kèm khi mở tờ khai hàng nhập khẩu. Nếu hàng lô hàng thực phẩm đó bị kết luận là vi phạm (không đạt tiêu chuẩn) thì sẽ không được nhập khẩu vào Nhật Bản. Nội dung vi phạm sẽ được Trạm kiểm dịch Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi thông báo tới người nhập khẩu và việc xử lý sau đó sẽ tuân theo chỉ thị của Trạm kiểm dịch này. Hàng hóa sẽ bị tiêu hủy hoặc bị trả lại nước xuất khẩu, hoặc chuyển mục đích sử dụng khác mà không dùng để ăn.

Tham vấn trước

Đặc biệt, đối với những Trạm kiểm dịch có khối lượng hàng nhập khẩu lớn, “Phòng tham vấn nhập khẩu thực phẩm” được thiết lập để thực hiện nhiệm vụ tư vấn nhập khẩu trước cho từng trường hợp. Có trường hợp chất phụ gia dù được phép sử dụng ở nước ngoài nhưng ở Nhật lại không được phép sử dụng. Trước khi tiến hành nhập khẩu chính thức có thể tham vấn miễn phí để biết thực phẩm đó có phù hợp với Luật Vệ sinh thực phẩm không. Tham vấn trước khác với thẩm tra trước và cấp phép trước. Trường hợp muốn kiểm tra trước thì áp dụng chế độ khai báo trước.

Luật Bảo vệ thực vật và Luật Kiểm soát bệnh truyền nhiễm từ gia cầm

Thủ tục nhập khẩu rau, quả, ngũ cốc căn cứ vào Luật Bảo vệ thực vật; thủ tục đối với các sản phẩm chế biến từ thịt và thịt sống, v.v..., dựa vào Luật Kiểm soát bệnh truyền nhiễm từ gia cầm. Các thủ tục này cần phải làm trước khi kiểm dịch thực phẩm.

Về các thông số tiêu chuẩn của các chất phóng xạ trong thực phẩm

Sau sự cố của nhà máy điện nguyên tử cùng với thảm họa động đất sóng thần ở vùng Đông Bắc Nhật Bản, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi đã đề ra thông số quy định tạm thời của các chất phóng xạ trong thực phẩm, đồng thời có biện pháp ngăn chặn để các thực phẩm vượt quá thông số này không được lưu thông ra thị trường. Tuy nhiên, để đảm bảo sự an toàn và an ninh lương thực, hơn nữa, từ quan điểm dài hạn, Bộ này đã đề ra thông số tiêu chuẩn mới có hiệu lực từ 24 tháng 4 năm 2012.

Giá trị tiêu chuẩn mới về chất phóng xạ cesium (đơn vị: vector / kg)

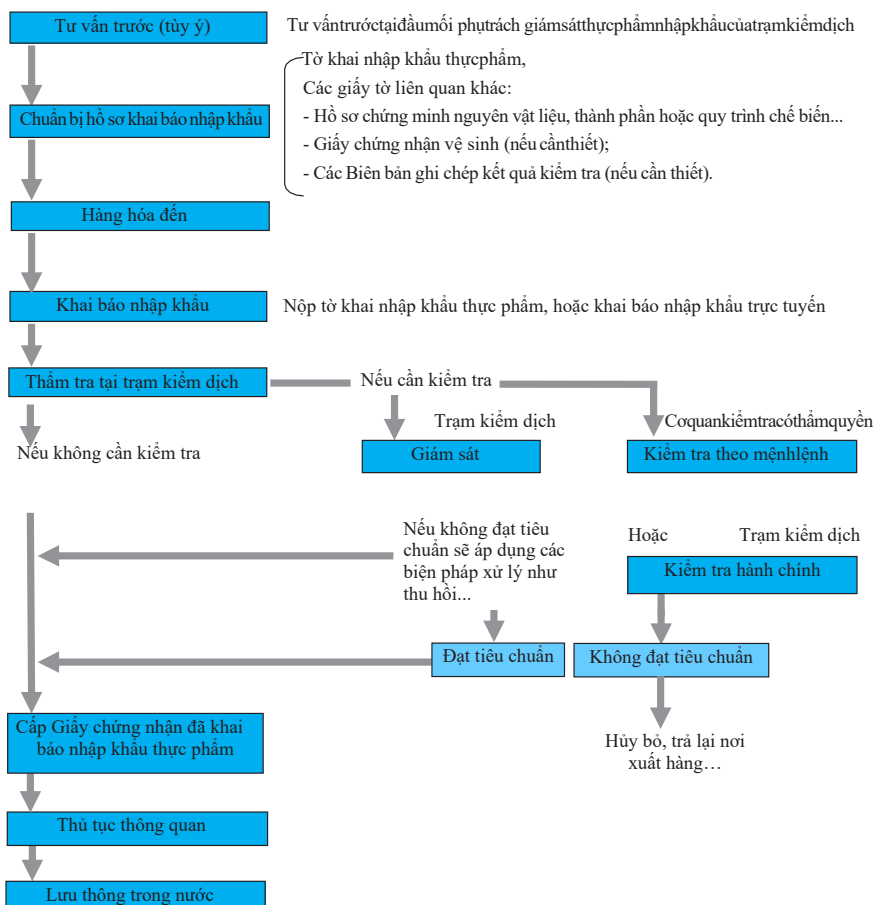
Nhóm thực phẩm	Thực phẩm nói chung	Thực phẩm cho trẻ sơ sinh	Sữa bò	Nước uống
Giá trị tiêu chuẩn	100	50	50	10

Bao gồm cả thông số tiêu chuẩn của các chất có tính phóng xạ như stronti và plutonium. Thời hạn tiêu chuẩn: các danh mục cần thời gian chuẩn bị như gạo và thịt bò là 6 tháng, đậu tương được chậm hơn, là 9 tháng.

Yêu cầu về nhãn mác khi bán hàng

Khi bán hàng thực phẩm cần phải ghi nhãn theo luật, trong đó quy định các hạng mục ghi nhãn phải bằng tiếng Nhật phù hợp với điều kiện của luật pháp và của chính quyền địa phương.

Quy trình thủ tục khai báo nhập khẩu hàng thực phẩm



Mẫu Giấy Khai báo nhập khẩu thực phẩm

Kính gửi Bộ trưởng Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi

Tên và địa chỉ của người nhập khẩu (Nếu là công ty thì ghi tên và địa chỉ công ty)

Số tiếp nhận khai báo	※ 1		Tên:			
Loại khai báo	Trước / Nhập khẩu kế hoạch		Địa chỉ:			
Mã số nhà nhập khẩu	(Số điện thoại):					
Mã số nước xuất khẩu	Số đăng ký của người quản lý vệ sinh thực phẩm nhập khẩu					
Tên, địa chỉ, mã số nhà sản xuất						
Tên, địa chỉ, mã số nơi sản xuất						
Tên, địa chỉ, mã số nhà xuất khẩu						
Tên, địa chỉ, mã số nhà đóng gói						
Tên, mã số cảng xếp hàng			Ngày tháng năm xếp hàng:	Ngày:	Tháng:	Năm:
Tên, mã số cảng dỡ hàng			Ngày tháng năm dỡ hàng:	Ngày:	Tháng:	Năm:
Kho bảo quản, mã số			Ngày tháng năm lưu kho:	Ngày:	Tháng:	Năm:
			Ngày tháng năm khai báo NK:	Ngày:	Tháng:	Năm:
Ký hiệu và số hiệu hàng hóa			Có sự cố hay không, nếu có thì sơ qua vụ việc	Không	Có	
Tên tàu/máy bay hoặc số chuyến			Người nộp/mã số			

I Phân loại hàng	Thực phẩm phụ gia/dụng cụ · đồ đựng, bao gói · đồ chơi	Tiếp tục	Có / Không	Số giấy chứng nhận vệ sinh		
Mã hàng						
Tên hàng				Nếu hàng là thực phẩm chế biến, ghi tên nguyên liệu và mã số, Nếu hàng là dụng cụ, bao gói, đồ chơi ghi vật liệu, mã số		
Số lượng hàng giao						
Trọng lượng hàng giao			kg			
Mục đích sử dụng, mã số				※ 2		
Chủng loại bao gói, mã số				※ 2		
Số đăng ký 1				Nếu hàng là thực phẩm có chất phụ gia, ghi tên và mã số chất phụ gia, Nếu là nguyên liệu của chất phụ gia, ghi tên thành phần và mã số		
Số đăng ký 2						
Số đăng ký 3				Trừ sự dụng làm hương liệu, cho dù là tương hợp nào.		
Nếu là thực phẩm chế biến ghi phương pháp SX/chế biến và mã số						
Ghi chú				Đóng dấu đi khai báo		

(Lưu ý)

Không điền gì vào cột ※ 1

Điền vào cột ※ 2 tên các chất phụ gia nếu là hàng thực phẩm. Những chất này được dùng chung cho ăn và uống, có như thực phẩm nói chung.

Các chất dùng làm phụ gia chỉ được giới hạn trong phạm vi tiêu chuẩn quy định.

Nếu hàng hóa là thành phần của chất phụ gia thì không coi là thực phẩm ăn uống mà coi là nguyên liệu.

※ Tại mục ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu, có thể ký tên thay cho đóng dấu.

Câu 2: Xin cho biết về việc nhập khẩu và bán trà

Trả lời:

Phân loại trà

Trà được phân thành các loại sau đây tùy thuộc có lên men hay không và độ lên men.

Trà chưa ủ men: Trà xanh

Trà đã ủ men một phần: Trà Ô long

Trà đã ủ men: Trà đen

Ngoài ra, còn có trà Mate không dùng lá trà thật, hay trà thảo mộc gồm các loại lá thơm được trộn lẫn vào nhau.

Những điểm lưu ý khi làm thủ tục nhập khẩu

Trà được chế biến và đóng gói từng sản phẩm riêng lẻ, thông thường không thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật. Tuy nhiên, khi nhập khẩu trà chưa sấy cần phải kiểm dịch thực vật căn cứ vào Luật Bảo vệ thực vật. Trường hợp này cần nộp cho trạm kiểm dịch Giấy chứng nhận kiểm tra thực vật (Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, hay còn gọi là Phytosanitary Certificate) do cơ quan Chính phủ (kiểm dịch) của nước xuất khẩu cấp, kèm theo Bảng quy trình sản xuất chế biến (tùy trường hợp còn cần cả hóa đơn) và “Đơn đề nghị kiểm tra hàng nhập khẩu thực vật/ hàng cấm nhập khẩu” và phải chịu sự kiểm tra hiện vật. Nếu vượt qua việc kiểm tra này thì tiến hành làm thủ tục theo Luật Vệ sinh thực phẩm.

Khi nhập khẩu cần nộp cho Trạm kiểm dịch của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Giấy khai báo nhập khẩu hàng thực phẩm kèm theo các loại giấy tờ như: Bảng kê thành phần nguyên liệu, Bảng kê quy trình sản xuất, chế biến, Bảng kê các chất phụ gia, vv.. để được xem xét kiểm tra.

Trong Luật Vệ sinh thực phẩm có quy định các thông số tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp trong trà, nếu không đạt thông số này sẽ không được nhập khẩu. Lần đầu tiên nhập khẩu trà, Trạm kiểm dịch sẽ hướng dẫn người nhập khẩu cách tự kiểm tra về dư lượng hóa chất nông nghiệp, vì thế bạn nên tìm hiểu kỹ lưỡng trước khi nhập khẩu về tình hình sử dụng hóa chất nông nghiệp ở nơi sản xuất, đồng thời nên tham vấn ý kiến của Trạm kiểm dịch và của các cơ quan kiểm tra mà bạn sẽ đề nghị kiểm tra.

Trong các loại trà thảo mộc có loại trà bao gồm các loại thực vật mà ở

Nhật không dùng để ăn, cho nên bạn cần biết ở nước xuất khẩu người ta dùng nó để ăn như thế nào và

vấn đề vệ sinh ra sao, đã chiếu xạ khử trùng chưa. Ngoài ra, cần xem xét loại trà đó có chứa thành phần và nguyên liệu coi như thuốc theo Luật Dược phẩm không. Trường hợp trà dùng như thực phẩm mà lại quảng cáo về hiệu quả và công dụng là bị cấm. Bạn phải cẩn thận vì nếu quảng cáo hiệu quả và công dụng của trà thì vô hình chung bạn coi nó là một loại thuốc và như vậy sẽ vi phạm Luật Dược phẩm.

Yêu cầu về nhãn mác khi bán hàng.

Khi bán các loại trà đóng hộp, khi đóng gói cần bắt buộc dán nhãn theo Luật Vệ sinh thực phẩm và Tiêu chuẩn nhãn mác chất lượng của Luật JAS.

Câu 3: Xin cho biết về thủ tục nhập khẩu và bán cà phê hạt.

Trả lời:

Trường hợp không cần kiểm dịch thực vật

Trường hợp là cà phê hạt chưa rang thì thuộc đối tượng kiểm dịch thực phẩm. Cần xuất trình cho Trạm Bảo vệ thực vật quản lý cảng nhập khẩu các giấy tờ cần thiết như: Giấy chứng nhận kiểm tra thực vật do cơ quan kiểm dịch của chính phủ nước xuất khẩu cấp (Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, còn gọi là Phytosanitary Certificate), Hóa đơn (Invoice) cùng với “Đơn xin kiểm tra hàng nhập khẩu thực vật / hàng cấm nhập khẩu”. Nếu phát hiện ra sâu bệnh thì hàng không đạt tiêu chuẩn. Trong trường hợp đó, nếu có thể khử trùng thì sau khi tiến hành khử trùng sẽ phát hành giấy chứng nhận là hàng đạt tiêu chuẩn, và có thể tiến hành làm thủ tục nhập khẩu theo Luật Vệ sinh thực phẩm.

Trường hợp không cần kiểm dịch thực vật

Hạt cà phê rang không thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật, vì vậy chỉ cần làm các thủ tục nhập khẩu theo Luật Vệ sinh thực phẩm. Cần nộp cho Trạm kiểm dịch Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Giấy khai báo nhập khẩu thực phẩm, kèm theo Bảng kê thành phần nguyên liệu, Bảng quy trình sản xuất, chế biến và Bảng kê các chất phụ gia. Nếu Trạm kiểm dịch xem xét thẩm tra mà kết quả không có vấn đề gì thì Trạm sẽ đóng dấu “Đã khai báo” vào Giấy khai báo nhập khẩu và có thể tiến hành làm thủ tục thông quan. (Về chi tiết thủ tục nhập khẩu theo Luật Vệ sinh thực phẩm đề nghị xem Câu 8).

Trong Luật Vệ sinh thực phẩm có quy định thông số tiêu chuẩn của dư lượng hóa chất nông nghiệp, coi như quy cách thành phần của cà phê hạt. Lần đầu tiên nhập khẩu cà phê hạt, Trạm kiểm dịch sẽ hướng dẫn người nhập khẩu cách tự kiểm tra về dư lượng hóa chất nông nghiệp, vì thế bạn nên tìm hiểu kỹ lưỡng trước khi nhập khẩu về tình hình sử dụng hóa chất nông nghiệp ở nơi sản xuất, đồng thời nên tham vấn ý kiến của Trạm kiểm dịch và các cơ quan kiểm tra mà bạn sẽ đề nghị kiểm tra.

Yêu cầu dán nhãn khi bán hàng.

Khi bán cà phê thông thường đựng trong hộp hay bao gói cần bắt buộc ghi nhãn theo Luật Vệ sinh thực phẩm và Tiêu chuẩn nhãn mác chất lượng của Luật JAS. Ngoài ra, cà phê hạt sản xuất theo quy cách hữu cơ JAS của những nhà kinh doanh đã được Cơ quan có thẩm quyền công nhận thì có thể dán nhãn Hữu cơ JAS. (Chi tiết xem Ghi nhãn thực phẩm câu 23 và Ghi nhãn thực phẩm hữu cơ câu 24).

Ngoài ra “Quy tắc cạnh tranh bình đẳng cho các nhãn Regular Coffee, Instant Coffee” đã được ban hành như một tiêu chuẩn tự nguyện của giới kinh doanh ngành hàng này.

Câu 4: Xin cho biết về thủ tục nhập khẩu các loại bánh kẹo như bánh quy và sô cô la.

Trả lời:

Thủ tục nhập khẩu Bánh quy

Đối với bánh quy, bánh quy giòn, bánh cookie, bánh mỳ khô, bánh ngọt, bánh Purretsueru, gọi chung là bánh quy, khi nhập khẩu cần làm các thủ tục theo Luật Vệ sinh thực phẩm.

Cần nộp Giấy khai báo nhập khẩu kèm theo Bảng kê thành phần nguyên liệu, Bảng quy trình sản xuất chế biến, Bảng kê chất phụ gia cho trạm kiểm dịch của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi. Rất nhiều trường hợp chất phụ gia được cho vào các loại bánh quy, trong đó có những chất không được phép sử dụng ở Nhật và có những chất được quy định thông số tiêu chuẩn. Các chất phụ gia như hương liệu, chất nhũ hóa, chất chống oxy hóa, đường, bột nở, v.v, có thể là các hạng mục chịu sự kiểm tra mệnh lệnh. Dù các chất đó phù hợp với các tiêu chuẩn sử dụng phụ gia của Nhật Bản, nhưng trước khi nhập khẩu bạn vẫn nên tìm hiểu kỹ về các nguyên liệu được sử dụng, phương pháp chế biến và tình trạng sử dụng các chất phụ gia.

Thủ tục nhập khẩu các loại sô cô la

Sô cô la được làm từ hạt của cây ca cao, cho thêm đường và các sản phẩm sữa vào. Ở Nhật Bản, theo Quy tắc cạnh tranh công bằng, sô cô la được chia thành các loại như: Sô cô la, Sô cô la pha, Kẹo sô cô la, Bánh kẹo có pha sô cô la, Thực phẩm sử dụng sô cô la, v.v...

Ngoài ra, Sô cô la và sô cô la pha pha lại được chia thành các loại sau đây tùy theo lượng ca cao được cho vào từng loại sản phẩm: Sô cô la bột, Sô cô la bột trộn sữa, Sô cô la nửa bột, Sô cô la nửa bột trộn sữa. Khi nhập khẩu, đầu tiên cần căn cứ vào Luật Vệ sinh thực phẩm, nộp Giấy khai báo nhập khẩu kèm theo các giấy tờ như Bảng kê thành phần nguyên liệu, Bảng quy trình sản xuất, Bảng kê chất phụ gia cho Trạm kiểm dịch của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi. Nhiều trường hợp sô cô la được sử dụng các chất nhuộm màu ngoài phạm vi các chất đã được chỉ định, vi phạm luật và các quy định của Nhật Bản. Do đó, trước khi nhập khẩu bạn cần điều tra kỹ càng về các chất phụ gia đã được sử dụng ví dụ như các chất bảo quản, chất nhũ hóa...

Về các loại bánh quy và sô cô la có chứa các loại hạt, rất có thể phải chịu sự kiểm tra độc tố Aflatoxin, một dạng nấm mốc gây ngộ độc thức ăn.

Yêu cầu về nhãn mác khi bán hàng

Ngoài việc ghi nhãn theo Luật Vệ sinh thực phẩm và Tiêu chuẩn nhãn mác chất lượng của Luật JAS, đối với các loại bánh quy còn có “Quy tắc cạnh tranh bình đẳng liên quan đến nhãn mác các loại bánh quy”, đối với các loại sô cô la có “Quy tắc cạnh tranh bình đẳng liên quan đến nhãn mác các loại sô cô la” và “Quy tắc cạnh tranh bình đẳng liên quan đến nhãn mác các loại thực phẩm có sô cô la” đã được ban hành như là các tiêu chuẩn tự nguyện của giới kinh doanh ngành hàng này.

Ngoài ra, nếu sử dụng các chất gây dị ứng trong nguyên liệu như sữa, lúa mì, kiều mạch, đậu phộng, tôm, cua, v.v., thì theo Luật Vệ sinh thực phẩm cần phải ghi rõ trong nguyên liệu đã sử dụng các loại này.

Câu 5: Xin cho biết về thủ tục nhập khẩu và bán đồ uống có cồn.

Trả lời :

Thủ tục nhập khẩu

Căn cứ vào Luật Vệ sinh thực phẩm, khi nhập khẩu đồ uống có cồn như rượu vang, bia, whisky, brandy, và rượu ngọt, v.v., cần phải nộp cho Trạm kiểm dịch Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Giấy khai báo nhập khẩu thực

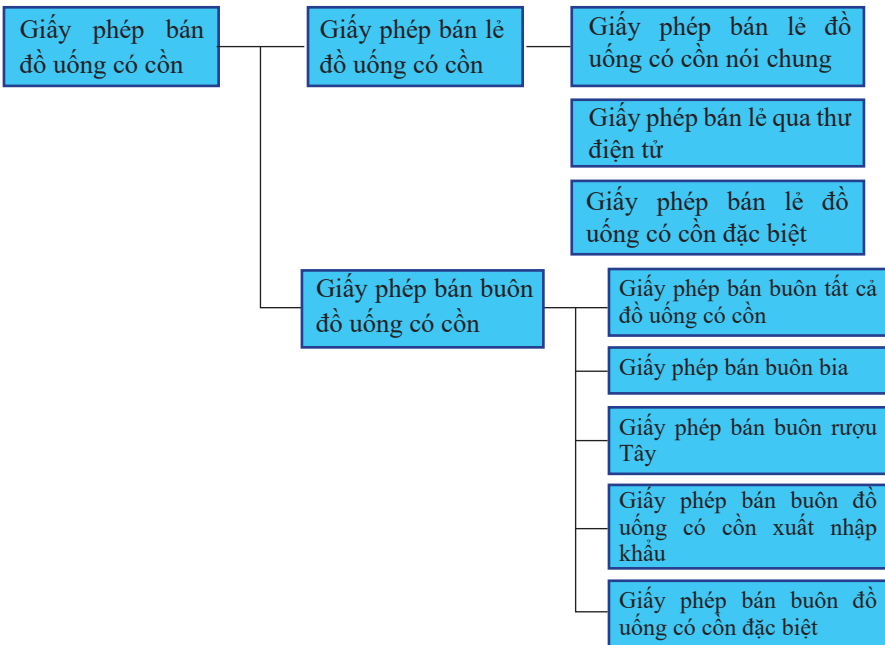
phẩm, kèm theo Bảng sơ đồ quy trình sản xuất, Bảng kê thành phần nguyên liệu và các chất phụ gia, vì vậy bạn phải có sẵn các giấy tờ này trong tay. (Thông tin chi tiết về thủ tục nhập khẩu tham khảo Câu 8).

Đối với rượu vang, nhiều trường hợp các chất phụ gia thực phẩm được sử dụng, chẳng hạn như chất bảo quản, vì thế, có thể mặt hàng này bị chỉ định phân tích xem có sử dụng các chất phụ gia thực phẩm ngoài quy định không, nếu có thì có sử dụng trong phạm vi thông số cho phép không. Sau khi trạm kiểm dịch xem xét xong sẽ tuyên bố cho thông quan nhập khẩu. Các thủ tục kết thúc sau khi người nhập khẩu nộp thuế quan, thuế tiêu thụ, ngoài ra còn phải nộp thuế đánh vào đồ uống có cồn tính theo nồng độ cồn của sản phẩm đó.

Giấy phép bán các loại đồ uống có cồn

Để bán đồ uống có cồn, về nguyên tắc phải có giấy phép bán hàng này do Trường cơ quan thuế nơi cửa hàng đóng trụ sở cấp.

Căn cứ vào đầu ra khi bán đồ uống có cồn, có thể chia thành 2 loại giấy phép là “Giấy phép kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn” (chuyên bán cho người tiêu dùng, người kinh doanh cửa hàng ăn uống, hoặc người sản xuất bánh kẹo) và “Giấy phép bán buôn đồ uống có cồn” (chuyên bán cho những người kinh doanh bán đồ uống có cồn hoặc những người sản xuất đồ uống có cồn).



Về vận chuyển

Để tránh làm mất hương vị của đồ uống có cồn, cần đặc biệt lưu ý khi vận chuyển, đặc biệt là khi vận chuyển bằng tàu biển. Để vận chuyển từ Châu Âu về Nhật Bản bằng tàu biển phải cắt ngang đường xích đạo, qua kênh đào Xuy-ê, khi đặt trên boong tàu tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời, nhiệt độ bên trong của các container loại thông thường có khi lên tới 70OC. Độ ẩm có khi lên tới gần 100%. Cũng có thể container được xếp trong hầm tàu (nhiệt độ bên trong của container loại thông thường duy trì ở mức khoảng 30OC) nhưng vị trí xếp hàng là do chủ tàu quyết định, không phải do Chủ hàng chỉ định.

Hơn nữa, khi được dỡ ra khỏi tàu tại cảng đến, container lạnh đó có thể tiếp tục hoạt động bằng cách kết nối với nguồn điện tại các bãi chứa, nhưng duy trì như vậy vài ngày (thường là 3 ngày) thì sẽ phát sinh thêm chi phí lưu container, vì thế cần nhanh chóng làm các thủ tục lưu kho lạnh và làm các thủ tục hải quan.

Với container lạnh 20fit, theo tiêu chuẩn, có thể xếp khối lượng hàng đến khoảng 17 tấn và dung tích tới 25m³. Trường hợp rượu vang có thể xếp được khối lượng 1200- 1300 hộp cát tông chứa các chai thông thường (nên trừ ra khoảng 20% dung tích xếp hàng để khí mát có thể lưu thông trong container). Về nguyên tắc, dịch vụ vận tải hỗn hợp không áp dụng đối với các container lạnh, vì vậy dù số lượng hàng ít bạn vẫn phải thuê trọn cả container.

Khi đề nghị công ty tàu biển chuyên chở hàng cần nói rõ là chở đến cảng nào. Mặt khác, khi ký hợp đồng mua bán hàng hóa cũng phải ghi rõ cảng nhận hàng (ví dụ như CIF Yokohama, tàu chuyển từ Châu Âu về cảng nhận hàng là tàu đi thẳng, vv..).

Yêu cầu về nhãn mác khi bán hàng

Khi bán đồ uống có cồn, ngoài việc phải ghi nhãn theo Luật Vệ sinh thực phẩm còn cần phải ghi rõ danh mục đồ uống có cồn, tên và địa chỉ của người nhập khẩu, dung lượng trong bình chứa, hàm lượng cồn, tên nước sản xuất, tên và địa chỉ người nhận, v.v...

Mặt khác, đối với bia và Whisky nhập khẩu, Hướng dẫn ghi nhãn chất lượng dựa trên quy tắc cạnh tranh công bằng đã được ban hành.

Câu 6: Xin cho biết thủ tục nhập khẩu và bán các loại nước khoáng

Trả lời :

Trong Luật Vệ sinh thực phẩm, nước khoáng được định nghĩa là “nước uống tinh khiết chế biến từ nguồn nước uống nguyên liệu, gồm nước khoáng,

nước cho thêm oxitcacbon, cho thêm canxi v.v...”, quy cách tiêu chuẩn (quy cách thành phần, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn bảo quản) được quy định cho từng loại riêng. Nếu không đạt các thông số tiêu chuẩn này thì không được nhập khẩu, vì vậy khi nhập khẩu cần phải điều tra trước cụ thể về thành phần của nước nguyên liệu, phương pháp lấy mẫu nước, cho đến khi đóng chai tại cơ sở sản xuất. Cần chuẩn bị các giấy tờ liên quan dưới đây và xin ý kiến tham vấn của Đầu mối phụ trách giám sát nhập khẩu thực phẩm tại các Trạm Kiểm dịch của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi.

Về tiêu chuẩn sản xuất

1- Kết quả phân tích cho thấy nguồn nước phù hợp với các tiêu chuẩn của nguồn nước (là nước dùng để uống) trong bảng “Hạng mục tiêu chuẩn sản xuất nước uống tinh khiết”.

2- Sơ đồ chi tiết về quy trình sản xuất (từ khâu lấy mẫu từ nguồn nước nguyên liệu đến khâu đóng chai).

3- Phương pháp tiệt trùng, khử trùng.

4- Trường hợp áp dụng phương pháp tiệt trùng ngoài biện pháp tiệt trùng bằng nhiệt.

5- Tiệt trùng bằng tia tử ngoại: Lượng chiếu xạ tia cực tím ($\mu\text{w.giây/cm}^2$), tỷ lệ truyền qua (%).

6- Khử trùng Ôzôn: Ôzôn hòa tan (mg/l), thời gian xử lý (phút).

Đối với các dụng cụ tiến hành khử trùng, cần cho biết kích thước của các bộ lọc.

Về quy cách thành phần

Khi nhập khẩu lô hàng đầu tiên, cần kiểm tra phân tích về tất cả các hạng mục trong tiêu chuẩn thành phần đối với lô hàng đến. Yêu cầu phải đáp ứng được tất cả tiêu chuẩn thành phần về độ đục, trầm tích, thạch tín, chì, cadmium, thiếc, coliform, Ecoli và vi khuẩn mũ xanh (Pseudomonas Aeruginosa).

Đồng thời, về quy cách áp lực carbon dioxit, tiệt trùng hoặc khử trùng bao bì đóng gói, các quy định đã chỉ rõ tuyệt đối không phát hiện thấy vi khuẩn Ecoli và không phát hiện thấy vi khuẩn mũ xanh.

Ngoài ra đã có quy định về các chất phụ gia không được phép sử dụng ở Nhật Bản và quy định thành phần tiêu chuẩn các chất phụ gia được phép sử dụng, “Tiêu chuẩn riêng về nước khoáng” theo “Hệ thống Danh mục Dư lượng Hóa chất Nông nghiệp cho phép” đã được ban hành, vì vậy cần phải xác định trước vấn đề này.

Yêu cầu về nhãn mác khi bán hàng

Khi bán nước khoáng, bắt buộc phải ghi nhãn theo Luật Vệ sinh thực phẩm, Tiêu chuẩn nhãn mác chất lượng của Luật JAS và Luật Đo lường. Ngoài ra, “Hướng dẫn về ghi nhãn chất lượng các loại nước khoáng” cũng đã được ban hành. Hơn nữa, trường hợp ghi nhãn liên quan đến thành phần dinh dưỡng hoặc nhiệt lượng, cần căn cứ vào “Tiêu chuẩn nhãn mác dinh dưỡng” của Luật Tăng cường sức khỏe.

Câu 7: Xin cho biết thủ tục nhập khẩu và bán các sản phẩm thịt chế biến (giăm bông, xúc xích, thịt xông khói, v.v...)

Trả lời :

Kiểm dịch động vật

Đối với nhập khẩu các sản phẩm thịt chế biến, các quốc gia và khu vực được phép xuất hàng vào Nhật Bản được xác định căn cứ vào Luật Kiểm soát bệnh truyền nhiễm từ gia cầm. Dù sản phẩm từ những khu vực có tiềm năng nhập khẩu nhưng nếu thuộc diện “Hàng cần phải kiểm dịch đặc biệt” thì khi nhập khẩu vẫn phải chịu sự kiểm dịch động vật. Cần nộp cho Trạm Kiểm dịch động vật “Đơn xin kiểm tra hàng nhập khẩu”, kèm theo Giấy chứng nhận kiểm tra do Cơ quan Chính phủ nước xuất khẩu cấp và chịu sự kiểm tra.

Tùy theo nước xuất khẩu, các biện pháp cấm nhập khẩu sản phẩm thịt chế biến từ các quốc gia bùng phát nạn bò điên (BSE) đang được áp dụng. Đối với các loại thịt gia cầm, có các biện pháp cấm nhập khẩu từ những nước phát sinh bệnh cúm gia cầm (cúm gà). Vì vậy, cần liên hệ với Trạm Kiểm dịch động vật để có những thông tin mới nhất.

Qua kiểm tra của Trạm kiểm dịch động vật, nếu đạt tiêu chuẩn thì lô hàng được phát hành “Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu”, tiếp đó sẽ tiến hành làm các thủ tục dựa theo Luật Vệ sinh thực phẩm. Cần nộp cho Trạm kiểm dịch “Giấy khai báo nhập khẩu thực phẩm”, kèm theo Bảng kê thành phần nguyên liệu, Bảng quy trình sản xuất và Bảng kê các chất phụ gia, sau đó chịu sự xem xét kiểm tra.

Những điểm cần lưu ý khi nhập khẩu

Trong Luật Vệ sinh thực phẩm có tiêu chuẩn chung cho các sản phẩm thịt chế biến, đó là: “Lượng Nitrat bạc không được vượt quá 0,07gam/1kg”. Ngoài ra còn có các tiêu chuẩn áp dụng riêng cho từng loại sản phẩm như tiêu chuẩn về quy cách thành phần và bảo quản, tiêu chuẩn sản xuất, cụ thể như sau:

(1) Sản phẩm thịt chế biến khô (thịt bò, salami, xúc xích, v.v...), (2) Các sản phẩm thịt chưa nấu chín (thịt bò khô, xúc xích, v.v...), (3) Các sản phẩm

thịt nấu chín đặc biệt (thịt bò nướng, v.v...), (4) Các sản phẩm thịt nấu chín (Giăm bông không xương, giăm bông ép, thịt xông khói, v.v...).

Trước khi nhập khẩu nên tìm hiểu trước sản phẩm định nhập khẩu thuộc loại nào và tìm hiểu kỹ càng về các loại đó thì tốt hơn.

Yêu cầu về nhãn mác khi bán hàng

Khi bán hàng bắt buộc phải dán nhãn theo Luật Vệ sinh thực phẩm và Tiêu chuẩn nhãn mác chất lượng theo Luật JAS. Trong các loại thịt chế biến, tiêu chuẩn dán nhãn chất lượng đã được quy định riêng cho từng loại như: các loại thịt xông khói, các loại thịt nguội, giăm bông ép, giăm bông ép hỗn hợp, xúc xích hỗn hợp, hamburger, thịt bò ướp lạnh, thịt bò viên. Ngoài ra, “Quy tắc cạnh tranh công bằng liên quan đến dán nhãn các loại giăm bông và xúc xích” đã được ban hành như là một tiêu chuẩn tự nguyện, không bắt buộc của giới kinh doanh ngành hàng này.

Câu 8: Xin cho biết về thủ tục nhập khẩu và bán hàng thủy sản chế biến.

Trả lời :

Hạn ngạch nhập khẩu

Trong nhóm hàng thủy sản, các danh mục liệt kê dưới đây cần phải có hạn ngạch nhập khẩu (IQ) theo Pháp lệnh Quản lý thương mại nhập khẩu của Luật quản lý Ngoại hối và Ngoại thương. Hạn ngạch nhập khẩu các mặt hàng này do Bộ trưởng Bộ kinh tế, Thương mại và Công nghiệp phân bổ. Có hai phương thức phân bổ hạn ngạch: Phân bổ theo công ty thương mại (phân bổ theo thành tích nhập khẩu thực tế) và Phân bổ theo nguyên tắc “Người đến trước được ưu tiên phục vụ trước”. Trường hợp xin phân bổ hạn ngạch lần đầu tiên, về cơ bản là xin phân bổ hạn ngạch theo cách phân bổ “Người đến trước được ưu tiên phục vụ trước”. Tư cách pháp nhân của người xin cấp, thời gian xin cấp và số lượng xin cấp cho từng loại khác nhau tùy theo sản phẩm cần hạn ngạch và phương thức cấp hạn ngạch, vì vậy cần xác nhận thông qua Bảng công bố nhập khẩu các loại thủy sản.

Ngoài ra có những danh mục cần sự chấp thuận lần thứ 2 về xuất xứ hoặc khu vực giao hàng đặc biệt (Quy định khu vực đặc biệt). Chi tiết cụ thể xin liên hệ với Bộ phận Nông Thủy sản, Phòng quản lý thương mại, Vụ Hợp tác Kinh tế Thương mại, Bộ Kinh tế Thương mại và Công nghiệp hoặc vào trang web của Bộ này.

Danh mục thủy sản cần có hạn ngạch nhập khẩu

Khi nhập khẩu tất cả các loại sản phẩm thủy sản chế biến đều bắt buộc phải kiểm dịch theo Luật Vệ sinh thực phẩm. Khi nhập khẩu phải nộp cho

Trạm kiểm dịch “Giấy khai báo nhập khẩu thực phẩm” kèm theo các giấy tờ cần thiết. Giấy tờ kèm theo khác nhau tùy theo nước và khu vực xuất khẩu, vì thế cần xác nhận trước với Trạm kiểm dịch để chuẩn bị cho đầy đủ. Qua xem xét nếu mặt hàng nào cần thiết phải kiểm tra vệ sinh thì sẽ tiến hành kiểm tra tại khu vực ngoại quan và sẽ quyết định có cho nhập hay không. Nếu hàng không phù hợp thì sẽ không được nhập khẩu, người nhập khẩu phải trả lại hàng hoặc hủy hàng. (Chi tiết thủ tục nhập khẩu căn cứ vào Luật Vệ sinh thực phẩm, xem Câu 8).

PHỤ LỤC TÀI LIỆU

1. Bộ Kinh tế Thương mại và Công nghiệp (Phân bổ hạn ngạch)
: http://www.meti.go.jp/policy/external_economy/trade_control/boeki-kanri/import/wariate/index.htm#suisanbutsu
2. Bộ Y tế. Lao động và Phúc lợi (Luật Vệ sinh thực phẩm): <http://www.mhlw.go.jp/topics/yunyu/tetsuzuki/index.html>
3. Bộ Nông Lâm Thủy sản: <http://www.maff.go.jp/j/jas/index.html>
Cục Bảo vệ người tiêu dùng (Nhãn mác thực phẩm): <http://www.caa.go.jp/foods/index.html>
4. Liên đoàn Hội đồng giao dịch thương mại công bằng toàn quốc (Quy tắc cạnh tranh công bằng): <http://www.jfftc.org/>
5. Hội đồng thương mại công bằng thực phẩm toàn quốc liên quan đến món trứng cá muối với ốt: <http://www.mentaiko-ftc.org/index.html>

Sổ tay hướng dẫn thực thi, hỏi đáp các quy định về SPS trong xuất khẩu nông - lâm - thủy sản vào thị trường Nhật Bản

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

Nguyễn Minh Huệ

Biên tập: Lương Thị Ngọc Bích

Chế bản: Ngô Xuân Nam

Trình bày bìa: Bùi Đức Toàn

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024-3934 1562 **Fax:** 024-3938 7164

Website: <http://nhaxuatbancongthuong.com.vn>

E-mail: nxbct@moit.gov.vn

In 1000 cuốn, khổ 15 x 21 cm tại Công ty TNHH In và Quảng cáo thương mại Quốc tế

Địa chỉ: 4G/116, Phố Nhân Hoà, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4710-2022/CXBIPH/02-284/CT

Số Quyết định xuất bản: 511/QĐ – NXBCT ngày 16 tháng 12 năm 2022

In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV năm 2022

Mã số ISBN: 978-604-362-574-5



VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Địa chỉ: Toà nhà A3, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: 024-37344764

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

